



CÔNG BÁO

Tỉnh Thái Nguyên

Số 40+41

Ngày 20 tháng 9 năm 2023

MỤC LỤC

Trang

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH

- | | | |
|-----------|--|---|
| 31-8-2023 | Nghị quyết số 14 /2023/NQ-HĐND sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 24/2021/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc hỗ trợ kinh phí đối với các trường mầm non, phổ thông công lập thuộc tỉnh Thái Nguyên | 3 |
| 31-8-2023 | Nghị quyết số 15/2023/NQ-HĐND quy định mức chi bảo đảm cho công tác kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật do các cơ quan có thẩm quyền của tỉnh Thái Nguyên ban hành | 6 |

VĂN BẢN PHÁP LUẬT KHÁC

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH

- | | | |
|-----------|--|----|
| 31-8-2023 | Nghị quyết số 70/NQ-HĐND giao biên chế công chức hành chính, quyết định biên chế sự nghiệp năm 2023 của tỉnh Thái Nguyên | 14 |
| 31-8-2023 | Nghị quyết số 71/NQ-HĐND phê duyệt chủ trương đầu tư Dự án mở rộng, nâng cấp quy mô Trường Trung học phổ thông Trại Cau, huyện Đồng Hỷ | 21 |
| 31-8-2023 | Nghị quyết số 72/NQ-HĐND phê duyệt chủ trương đầu tư dự án Đường giao thông xóm Khe Cái - Suối Khê, xã Vũ Chấn đi xóm Na Hấu, xã Nghinh Tường, huyện Võ Nhai | 24 |

31-8-2023	Nghị quyết số 73/NQ-HĐND phê duyệt chủ trương đầu tư dự án Xây dựng Trụ sở Hạt kiểm lâm Đại Từ	27
31-8-2023	Nghị quyết số 74/NQ-HĐND phê duyệt điều chỉnh chủ trương đầu tư Dự án Tu bổ, tôn tạo di tích Đền thờ Lý Nam Đế (Đền Mực) xã Tiên Phong, thị xã Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên	30
31-8-2023	Nghị quyết số 75/NQ-HĐND bãi bỏ chủ trương đầu tư Dự án Nhà đa năng Trường Chính trị tỉnh Thái Nguyên	33
31-8-2023	Nghị quyết số 76/NQ-HĐND về việc bãi bỏ chủ trương đầu tư dự án xây dựng hạ tầng Cụm công nghiệp Cây Bòng, xã La Hiên, huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên	35
31-8-2023	Nghị quyết số 77/NQ-HĐND về việc điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch đầu tư công tỉnh Thái Nguyên năm 2023	37
31-8-2023	Nghị quyết số 78/NQ-HĐND về việc cho ý kiến điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 nguồn vốn ngân sách Trung ương tỉnh Thái Nguyên	73
31-8-2023	Nghị quyết số 79/NQ-HĐND về việc thông qua điều chỉnh, bổ sung danh mục các dự án thu hồi đất, các dự án có chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên	81
31-8-2023	Nghị quyết số 80/NQ-HĐND quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác để thực hiện Dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng Khu công nghiệp Sông Công II giai đoạn 2 tỉnh Thái Nguyên	91
31-8-2023	Nghị quyết số 81/NQ-HĐND xác nhận kết quả miễn nhiệm Ủy viên Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên Khóa XIV, nhiệm kỳ 2021 - 2026	94
31-8-2023	Nghị quyết số 82/NQ-HĐND xác nhận kết quả bãi nhiệm Ủy viên Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên Khóa XIV, nhiệm kỳ 2021 - 2026	96

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH THÁI NGUYÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 14/2023/NQ-HĐND

Thái Nguyên, ngày 31 tháng 8 năm 2023

NGHỊ QUYẾT

Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 24/2021/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc hỗ trợ kinh phí đối với các trường mầm non, phổ thông công lập thuộc tỉnh Thái Nguyên

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN
KHÓA XIV, KỲ HỌP THỨ MƯỜI BỐN (KỲ HỌP CHUYÊN ĐỀ)**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Giáo dục ngày 14 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 71/2020/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2020 của Chính phủ quy định lộ trình thực hiện nâng trình độ chuẩn được đào tạo của giáo viên mầm non, tiểu học, trung học cơ sở;

Căn cứ Nghị định số 24/2023/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2023 của Chính phủ quy định mức lương cơ sở đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang;

Căn cứ Thông tư số 17/2009/TT-BGDĐT ngày 25 tháng 7 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Chương trình giáo dục mầm non;

Căn cứ Thông tư số 28/2009/TT-BGDĐT ngày 21 tháng 10 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về chế độ làm việc đối với giáo viên phổ thông;

Căn cứ Thông tư số 48/2011/TT-BGDĐT ngày 25 tháng 10 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định chế độ làm việc đối với giáo viên mầm non;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 06/2015/TTLT-BGDĐT-BNV ngày 16 tháng 3 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định về danh mục khung vị trí việc làm và định mức số lượng người làm việc trong các cơ sở giáo dục mầm non công lập;

Căn cứ Thông tư số 28/2016/TT-BGDĐT ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Chương trình giáo dục mầm non ban hành kèm theo Thông tư số 17/2009/TT-BGDĐT ngày 25 tháng 7 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Thông tư số 15/2017/TT-BGDĐT ngày 09 tháng 6 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định chế độ làm việc đối với giáo viên phổ thông ban hành kèm theo Thông tư số 28/2009/TT-BGDĐT ngày 21 tháng 10 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Thông tư số 16/2017/TT-BGDĐT ngày 12 tháng 7 năm 2017 của Bộ Trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn danh mục khung vị trí việc làm và định mức số lượng người làm việc trong các cơ sở giáo dục phổ thông công lập;

Căn cứ Thông tư số 28/2020/TT-BGDĐT ngày 04 tháng 9 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Điều lệ trường tiểu học;

Căn cứ Thông tư số 32/2020/TT-BGDĐT ngày 15 tháng 9 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học;

Căn cứ Thông tư số 52/2020/TT-BGDĐT ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Điều lệ Trường mầm non;

Xét Tờ trình số 102/TTr-UBND ngày 23 tháng 8 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 24/2021/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc hỗ trợ kinh phí đối với các trường mầm non, phổ thông công lập thuộc tỉnh Thái Nguyên; Báo cáo thẩm tra của Ban Văn hóa - xã hội Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 24/2021/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc hỗ trợ kinh phí đối với các trường mầm non, phổ thông công lập thuộc tỉnh Thái Nguyên

1. Sửa đổi, bổ sung điểm a, điểm b, điểm c khoản 1 Điều 2 như sau:

“a) 01 định mức khoán cấp mầm non (Nhà trẻ, mẫu giáo) được hỗ trợ: 6.000.000 đồng/tháng.

b) 01 định mức khoán cấp tiểu học được hỗ trợ: 6.600.000 đồng/tháng.

c) 01 định mức khoán cấp trung học cơ sở và trung học phổ thông được hỗ trợ: 6.400.000 đồng/tháng.”

2. Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 2 Điều 2 như sau:

“a) 01 định mức khoán được hỗ trợ: 4.100.000 đồng/tháng.”

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết theo đúng quy định của pháp luật, định kỳ hằng năm báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh kết quả thực hiện.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên Khóa XIV, Kỳ họp thứ mười bốn (Kỳ họp chuyên đề) thông qua ngày 31 tháng 8 năm 2023 và có hiệu lực từ ngày 11 tháng 9 năm 2023./.

CHỦ TỊCH

Phạm Hoàng Sơn

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH THÁI NGUYÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 15/2023/NQ-HĐND

Thái Nguyên, ngày 31 tháng 8 năm 2023

NGHỊ QUYẾT

**Quy định mức chi bảo đảm cho công tác kiểm tra, xử lý, rà soát,
hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật do các cơ quan có thẩm quyền
của tỉnh Thái Nguyên ban hành**

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN KHÓA XIV, KỲ HỌP THỨ MƯỜI BỐN (KỲ HỌP CHUYÊN ĐỀ)

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 06 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Thông tư số 09/2023/TT-BTC ngày 08 tháng 02 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước bảo đảm cho công tác kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật;

Xét Tờ trình số 103/TTr-UBND ngày 23 tháng 8 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên đề nghị ban hành Nghị quyết quy định mức chi bảo đảm cho công tác kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật do các cơ quan có thẩm quyền của tỉnh Thái Nguyên ban hành; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Nghị quyết này quy định mức chi bảo đảm cho công tác kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật do các cơ quan có thẩm quyền của tỉnh Thái Nguyên ban hành.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Sở Tư pháp.

2. Phòng Tư pháp các huyện, thành phố.

3. Các cơ quan, đơn vị, tổ chức khác có nhiệm vụ giúp cơ quan, người có trách nhiệm rà soát, hệ thống hóa văn bản quy định tại khoản 3 Điều 139 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

4. Các cơ quan, đơn vị, tổ chức, người được giao thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hóa văn bản theo chỉ đạo, yêu cầu, kế hoạch của người có thẩm quyền kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hóa văn bản.

Điều 3. Mức chi công tác kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hóa văn bản

1. Đối với các khoản chi để tổ chức các cuộc họp, hội nghị, hội thảo, tọa đàm, sơ kết, tổng kết; các khoản chi công tác phí cho những người đi công tác trong nước (bao gồm cả cộng tác viên, thành viên tham gia các đoàn kiểm tra văn bản và đoàn kiểm tra công tác kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hóa văn bản) được thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 11/2017/NQ-HĐND ngày 27 tháng 10 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên Quy định mức chi bảo đảm cho công tác cải cách hành chính nhà nước; mức chi công tác phí, chi hội nghị đối với cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc tỉnh Thái Nguyên và mức chi, mức hỗ trợ kinh phí thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016 - 2020.

2. Đối với các khoản chi cho việc tổ chức đào tạo, bồi dưỡng nâng cao về chuyên môn nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ, công chức làm công tác kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản và đội ngũ cộng tác viên được thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 13/2021/NQ-HĐND ngày 12 tháng 8 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên Quy định một số mức chi cho công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức tỉnh Thái Nguyên và Nghị quyết số 07/2023/NQ-HĐND ngày 20 tháng 7 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định ban hành kèm theo Nghị quyết số 13/2021/NQ-HĐND.

3. Đối với các khoản chi tổ chức hội thi theo ngành, lĩnh vực, địa phương và toàn quốc về công tác kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hóa văn bản được

thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 52/2014/NQ-HĐND ngày 25 tháng 7 năm 2014 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên quy định mức chi cho công tác phổ biến, giáo dục pháp luật và chuẩn tiếp cận pháp luật của người dân tại cơ sở trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.

4. Đối với các khoản chi điều tra, khảo sát thực tế phục vụ công tác kiểm tra, xử lý, rà soát hệ thống hóa văn bản được thực hiện theo quy định tại mục 2 phần I Phụ lục ban hành kèm theo Nghị quyết số 08/2017/NQ-HĐND ngày 21 tháng 7 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên Quy định mức trích từ các khoản thu hồi phát hiện qua công tác thanh tra đã thực nộp vào ngân sách nhà nước; mức phân bổ kinh phí đảm bảo cho công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật; nội dung, mức chi cho công tác quản lý nhà nước về thi hành pháp luật xử lý vi phạm hành chính; bổ sung mức thu lệ phí đăng ký cư trú trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.

5. Đối với các khoản chi báo cáo về rà soát các văn bản có liên quan đến dự án, dự thảo văn bản được thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 34/2022/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 1 của Nghị quyết số 08/2017/NQ-HĐND ngày 21 tháng 7 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên quy định mức trích từ các khoản thu hồi phát hiện qua công tác thanh tra đã thực nộp vào ngân sách nhà nước; mức phân bổ kinh phí đảm bảo cho công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật; nội dung, mức chi cho công tác quản lý nhà nước về thi hành pháp luật xử lý vi phạm hành chính; bổ sung mức thu lệ phí đăng ký cư trú trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.

6. Mức chi một số khoản chi có tính chất đặc thù trong kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật: Thực hiện theo Phụ lục kèm theo Nghị quyết này.

7. Nội dung chi cho công tác kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hóa văn bản và mức chi cho công tác kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hóa văn bản ngoài nội dung, mức chi quy định tại Nghị quyết này thực hiện theo quy định tại Thông tư số 09/2023/TT-BTC ngày 08 tháng 02 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước bảo đảm cho công tác kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật.

Điều 4. Điều khoản thi hành

1. Nghị quyết này có hiệu lực từ ngày 15 tháng 9 năm 2023.

2. Bãi bỏ khoản 8 Điều 1 Nghị quyết số 30/2011/NQ-HĐND ngày 12 tháng 12 năm 2011 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên về việc quy định mức thu một số loại phí, lệ phí; mức chi đặc thù đảm bảo cho các nội dung kiểm tra,

xử lý, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật; chế độ dinh dưỡng đặc thù đối với vận động viên, huấn luyện viên thể thao thành tích cao thuộc tỉnh Thái Nguyên.

3. Trường hợp các văn bản dẫn chiếu để áp dụng tại Nghị quyết này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bằng văn bản mới thì áp dụng theo các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế.

Điều 5. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết theo đúng quy định của pháp luật.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

3. Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên Khóa XIV, Kỳ họp thứ mười bốn (kỳ họp chuyên đề) thông qua ngày 31 tháng 8 năm 2023./.

CHỦ TỊCH

Phạm Hoàng Sơn

PHỤ LỤC

Quy định mức chi một số khoản chi có tính chất đặc thù trong kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật
(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 15/2023/NQ-HĐND ngày 31 tháng 8 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên)

Đơn vị tính: 1.000 đồng

TT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi	Ghi chú
1	Chi cho các thành viên tham gia họp, hội thảo, tọa đàm để trao đổi nghiệp vụ kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hóa văn bản; họp xử lý kết quả kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản theo yêu cầu, kế hoạch; họp bàn về kế hoạch kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật			
a	Chủ trì cuộc họp	Người/buổi	150	
b	Các thành viên tham dự	Người/buổi	100	
2	Chi lấy ý kiến chuyên gia	01 văn bản	1.500	Văn bản được xin ý kiến
3	Chi soạn thảo, viết báo cáo kết quả kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản			
a	Báo cáo kết quả kiểm tra, xử lý, rà soát văn bản theo chuyên đề, địa bàn, ngành, lĩnh vực; báo cáo kết quả hệ thống hóa văn bản định kỳ (5 năm), cụ thể:			
	- Báo cáo của Ủy ban nhân dân tỉnh	01 báo cáo	7.000	
	- Báo cáo của các sở, ban, ngành cấp tỉnh; báo cáo của Ủy ban nhân dân cấp huyện; báo cáo kết quả của Đoàn kiểm tra liên ngành do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định thành lập	01 báo cáo	3.000	
	- Báo cáo của các phòng, ban, ngành cấp huyện; báo cáo của Ủy ban nhân dân cấp xã; báo cáo kết quả của Đoàn kiểm tra liên ngành do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định thành lập	01 báo cáo	1.500	

b	Báo cáo đánh giá về văn bản trái pháp luật, mâu thuẫn, chồng chéo, hết hiệu lực hoặc không còn phù hợp	01 báo cáo	400	
4	Chi chỉnh lý các loại dự thảo báo cáo (trừ báo cáo đánh giá về văn bản trái pháp luật, mâu thuẫn, chồng chéo, hết hiệu lực hoặc không còn phù hợp)		900	Tính 01 lần chỉnh lý
5	Chi công bố kết quả xử lý văn bản trái pháp luật, kết quả kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật trên các phương tiện thông tin đại chúng			Mức chi được thực hiện theo chứng từ chi hợp pháp
6	Chi kiểm tra văn bản quy định tại khoản 2 Điều 106 của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP	01 văn bản		
	- Trường hợp kiểm tra văn bản mà không phát hiện dấu hiệu trái pháp luật		250	
	- Trường hợp kiểm tra văn bản mà phát hiện dấu hiệu trái pháp luật		500	
7	Chi rà soát văn bản theo chuyên đề, lĩnh vực, địa bàn; rà soát, hệ thống hóa văn bản để thực hiện hệ thống hóa văn bản định kỳ (5 năm); rà soát văn bản khi thực hiện tổng rà soát hệ thống văn bản theo quyết định của Ủy ban thường vụ Quốc hội	01 văn bản	200	
8	Chi thù lao cộng tác viên kiểm tra văn bản	01 văn bản		
a	Mức chi chung		300	
b	Đối với văn bản thuộc chuyên ngành, lĩnh vực chuyên môn phức tạp		600	
9	Chi thù lao cộng tác viên rà soát, hệ thống hóa văn bản	01 văn bản	250	
10	Chi kiểm tra lại kết quả hệ thống hóa văn bản theo quy định tại khoản 3 Điều 169 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP	01 văn bản	150	
11	Chi xây dựng hệ cơ sở dữ liệu phục vụ cho công tác kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản			

a	Chi rà soát, xác định văn bản có hiệu lực pháp lý cao hơn đang có hiệu lực tại thời điểm kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản để cập nhật, lập hệ cơ sở dữ liệu, làm cơ sở pháp lý phục vụ công tác kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản	01 văn bản	150	
b	Chi tổ chức thu thập, phân loại, xử lý thông tin, tư liệu, tài liệu, dữ liệu, văn bản, trang bị sách, báo, tạp chí ... phục vụ xây dựng cơ sở dữ liệu kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật			
	- Đối với việc thu thập những thông tin, tư liệu, tài liệu, dữ liệu, sách báo, tạp chí	01 tài liệu (01 văn bản)		Mức chi được thực hiện theo chứng từ chi hợp pháp
	- Đối với việc phân loại, xử lý thông tin, tư liệu, tài liệu, văn bản mà không có mức giá xác định sẵn	01 tài liệu (01 văn bản)	70	Khoản chi này không áp dụng đối với việc thu thập các văn bản quy phạm pháp luật đã được cập nhật trong các hệ cơ sở dữ liệu điện tử của cơ quan, đơn vị hoặc đăng trên Công báo
12	Chi cho các hoạt động in ấn, chuẩn bị tài liệu, thu thập các văn bản thuộc đối tượng kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản			Mức chi được thực hiện theo chứng từ chi hợp pháp
13	Đối với các khoản chi khác: làm đêm, làm thêm giờ, chi văn phòng phẩm,...			Căn cứ vào hóa đơn, chứng từ chi tiêu hợp pháp theo quy định hiện hành và được cấp có

				thẩm quyền phê duyệt dự toán trước khi thực hiện làm căn cứ quyết toán kinh phí.
--	--	--	--	---

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH THÁI NGUYÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 70/NQ-HĐND

Thái Nguyên, ngày 31 tháng 8 năm 2023

NGHỊ QUYẾT

**Giao biên chế công chức hành chính,
quyết định biên chế sự nghiệp năm 2023 của tỉnh Thái Nguyên**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN
KHÓA XIV, KỲ HỌP THỨ MƯỜI BỐN (KỲ HỌP CHUYÊN ĐỀ)**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và
Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

Căn cứ Luật Cán bộ, công chức ngày 13 tháng 11 năm 2008;

Căn cứ Luật Viên chức ngày 15 tháng 11 năm 2010;

*Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và
Luật Viên chức ngày 25 tháng 11 năm 2019;*

*Thực hiện Kết luận số 40-KL/TW ngày 18 tháng 7 năm 2022 của Bộ Chính trị
về nâng cao hiệu quả công tác quản lý biên chế của hệ thống chính trị giai đoạn
2022 - 2026;*

*Thực hiện Quy định số 70-QĐ/TW ngày 18 tháng 7 năm 2022 của Bộ Chính trị
về quản lý biên chế của hệ thống chính trị;*

*Thực hiện Quyết định số 72-QĐ/TW ngày 18 tháng 7 năm 2022 của Bộ Chính trị
về biên chế các cơ quan đảng, Mặt trận Tổ quốc, tổ chức chính trị - xã hội
ở Trung ương và các tỉnh ủy, thành ủy, đảng ủy khối trực thuộc Trung ương
giai đoạn 2022 - 2026;*

*Thực hiện Quyết định số 37-QĐ/BTCTW ngày 28 tháng 9 năm 2022 của
Ban Tổ chức Trung ương về biên chế của tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2022 - 2026;*

*Thực hiện Quyết định số 1918-QĐ/BTCTW ngày 21 tháng 6 năm 2023 của
Ban Tổ chức Trung ương về biên chế của tỉnh Thái Nguyên năm 2023;*

*Thực hiện Kế hoạch số 81-KH/TU ngày 24 tháng 11 năm 2022 của
Ban Thường vụ Tỉnh ủy về quản lý biên chế tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2022 - 2026;*

Thực hiện Quyết định số 1679-QĐ/TU ngày 07 tháng 7 năm 2023 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về việc giao tổng biên chế của khối chính quyền địa phương tỉnh Thái Nguyên năm 2023;

Thực hiện Quyết định số 1374-QĐ/TU ngày 01 tháng 12 năm 2022 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về việc giao biên chế của các hội có tính chất đặc thù tỉnh Thái Nguyên năm 2023;

Xét Tờ trình số 96/TTr-UBND ngày 21 tháng 8 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên về việc giao biên chế công chức hành chính, quyết định biên chế sự nghiệp năm 2023 của tỉnh Thái Nguyên; Báo cáo thẩm tra của Ban Văn hóa - xã hội Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Giao biên chế công chức hành chính năm 2023 của tỉnh Thái Nguyên cho các cơ quan quản lý, sử dụng là: **1.911** biên chế.

Điều 2. Quyết định tổng số biên chế sự nghiệp của tỉnh Thái Nguyên năm 2023 là: **24.666** biên chế.

Trong đó:	+ Sự nghiệp giáo dục và đào tạo:	19.473 biên chế;
	+ Sự nghiệp y tế:	3.361 biên chế;
	+ Sự nghiệp văn hóa, thông tin - thể thao:	441 biên chế;
	+ Sự nghiệp khác:	1.378 biên chế;
	+ Biên chế sự nghiệp dự phòng:	13 biên chế.

(Chi tiết tại Phụ lục I kèm theo).

Điều 3. Giao biên chế của các hội có tính chất đặc thù là: **73** biên chế.

(Chi tiết tại Phụ lục II kèm theo).

Điều 4. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết theo đúng quy định của pháp luật.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên Khóa XIV, Kỳ họp thứ mười bốn (Kỳ họp chuyên đề) thông qua ngày 31 tháng 8 năm 2023 và thay thế Nghị quyết số 93/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh tạm giao biên chế công chức hành chính, quyết định tạm giao biên chế sự nghiệp năm 2023 của tỉnh Thái Nguyên./.

CHỦ TỊCH

Phạm Hoàng Sơn

Phụ lục I

**GIAO BIÊN CHẾ CÔNG CHỨC HÀNH CHÍNH, QUYẾT ĐỊNH BIÊN CHẾ SỰ NGHIỆP
ĐỐI VỚI CÁC CƠ QUAN, ĐƠN VỊ THUỘC TỈNH THÁI NGUYÊN NĂM 2023***(Kèm theo Nghị quyết số 70/NQ-HĐND ngày 31 tháng 8 năm 2023
của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên)*

TT	Tên cơ quan, đơn vị	Tổng biên chế hành chính, sự nghiệp	Hành chính	Sự nghiệp				
				Tổng	Sự nghiệp Giáo dục và đào tạo	Sự nghiệp P Y tế	Sự nghiệp Văn hóa, TTT T	Sự nghiệp khác
1	2	3	4	5	6	7	8	9
	Tổng số	26.577	1.911	24.666	19.473	3.361	441	1.378
A	Cấp tỉnh	8.061	1.107	6.954	2.426	3.361	307	860
1	Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh	42	42	-	-	-	-	-
2	Văn phòng UBND tỉnh	103	59	44	-	-	-	44
3	Ban Dân tộc	16	16	-	-	-	-	-
4	Sở Ngoại vụ	18	18	-	-	-	-	-
5	Sở Nội vụ	94	63	31	-	-	-	31
6	Thanh tra tỉnh	37	37	-	-	-	-	-
7	Sở Tư pháp	73	24	49	-	-	-	49
8	Sở Kế hoạch và Đầu tư	61	44	17	-	-	-	17
9	Sở Công Thương	87	46	41	-	-	-	41
10	Sở Giao thông vận tải	72	53	19	-	-	-	19

11	Sở Tài nguyên và Môi trường	117	65	52	-	-	-	52
12	Sở Xây dựng	40	40	-	-	-	-	-
13	Sở Tài chính	57	57	-	-	-	-	-
14	Sở Khoa học và Công nghệ	54	33	21	-	-	-	21
15	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	361	53	308	-	14	-	294
16	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	454	246	208	-	-	-	208
17	Sở Y tế	3.395	51	3.344	-	3.344	-	-
18	Sở Giáo dục và Đào tạo	2.161	49	2.112	2.112	-	-	-
19	Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch	307	45	262	29	3	193	37
20	Sở Thông tin và Truyền thông	60	28	32	-	-	-	32
21	Ban Quản lý các Khu công nghiệp Thái Nguyên	53	38	15	-	-	-	15
22	Đài Phát thanh - Truyền hình tỉnh	114	-	114	-	-	114	-
23	Trường Cao đẳng Thái Nguyên	285	-	285	285	-	-	-
B	Cấp huyện	18.503	804	17.699	17.047	-	134	518
24	UBND thành phố Thái Nguyên	3.815	131	3.684	3.559	-	39	86
25	UBND thành phố Sông Công	970	72	898	858	-	9	31
26	UBND huyện Đồng Hỷ	1.600	84	1.516	1.445	-	10	61
27	UBND huyện Phú Lương	1.634	84	1.550	1.473	-	14	63
28	UBND huyện Đại Từ	2.637	95	2.542	2.449	-	12	81
29	UBND thành phố Phổ Yên	2.267	81	2.186	2.121	-	11	54

30	UBND huyện Phú Bình	2.138	83	2.055	1.997	-	12	46
31	UBND huyện Định Hoá	1.734	84	1.650	1.583	-	13	54
32	UBND huyện Võ Nhai	1.708	90	1.618	1.562	-	14	42
C	Biên chế dự phòng để tinh giản giai đoạn 2022 - 2026			13				

Phụ lục II

GIAO BIÊN CHẾ CỦA CÁC HỘI CÓ TÍNH CHẤT ĐẶC THÙ

(Kèm theo Nghị quyết số 70/NQ-HĐND ngày 31 tháng 8 năm 2023
của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên)

STT	Tên cơ quan, đơn vị		Người làm việc tại hội có tính chất đặc thù
	Tổng số	1	73
1	Liên minh Hợp tác xã tỉnh Thái Nguyên		14
2	Hội Văn học Nghệ thuật tỉnh Thái Nguyên		10
3	Hội Đông y tỉnh Thái Nguyên		11
4	Hội Chữ thập đỏ tỉnh Thái Nguyên		11
5	Hội Nhà báo tỉnh Thái Nguyên		6
6	Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật tỉnh Thái Nguyên		3
7	Hội Chữ thập đỏ thành phố Thái Nguyên		2
8	Hội Chữ thập đỏ huyện Đồng Hỷ		2
9	Hội Chữ thập đỏ huyện Phú Lương		2
10	Hội Chữ thập đỏ huyện Đại Từ	1	3
11	Hội Chữ thập đỏ thành phố Phổ Yên		2
12	Hội Chữ thập đỏ huyện Phú Bình		3
13	Hội Chữ thập đỏ huyện Định Hoá		1
14	Hội Chữ thập đỏ huyện Võ Nhai		3

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH THÁI NGUYÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 71/NQ-HĐND

Thái Nguyên, ngày 31 tháng 8 năm 2023

NGHỊ QUYẾT

**Phê duyệt chủ trương đầu tư Dự án mở rộng, nâng cấp quy mô
Trường Trung học phổ thông Trại Cau, huyện Đồng Hỷ**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN
KHÓA XIV, KỲ HỌP THỨ MƯỜI BỐN (KỲ HỌP CHUYÊN ĐỀ)**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Căn cứ Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09 tháng 02 năm 2021 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 13/2020/TT-BGDĐT ngày 26 tháng 5 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành quy định tiêu chuẩn cơ sở vật chất các trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học;

Căn cứ Thông tư số 11/2021/TT-BXD ngày 31 tháng 8 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn một số nội dung xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Xét Tờ trình số 112/TTr-UBND ngày 24 tháng 8 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên về việc quyết định chủ trương đầu tư Dự án mở rộng, nâng cấp quy mô Trường Trung học phổ thông Trại Cau, huyện Đồng Hỷ; Báo cáo thẩm tra của Ban Văn hóa - xã hội Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phê duyệt chủ trương đầu tư Dự án mở rộng, nâng cấp quy mô Trường Trung học phổ thông Trại Cau, huyện Đông Hỷ, cụ thể như sau:

1. Mục tiêu đầu tư:

- Hoàn thiện cơ sở vật chất, đảm bảo chất lượng dạy và học cho Trường Trung học phổ thông Trại Cau, huyện Đông Hỷ, đáp ứng nhu cầu học tập của học sinh 05 xã phía Đông Nam của huyện Đông Hỷ và một phần các xã giáp ranh huyện Phú Bình, đảm bảo yêu cầu trường trung học phổ thông đạt chuẩn Quốc gia theo tiêu chuẩn của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Đáp ứng mục tiêu tăng quy mô của Trường Trung học phổ thông Trại Cau từ 21 lớp lên 27 lớp vào năm học 2027 - 2028, phù hợp với chủ trương phát triển giáo dục và đào tạo của tỉnh và phù hợp với phân bổ mạng lưới trường lớp trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.

2. Quy mô đầu tư: Xây dựng nhà lớp học 06 phòng học, gồm 03 tầng nổi và 01 tầng trệt với tổng diện tích xây dựng công trình là 350 m², tổng diện tích sàn là 1.071 m²; thiết kế đồng bộ hệ thống điện, chống sét, phòng cháy chữa cháy.

3. Nhóm dự án: Nhóm C.

4. Tổng mức đầu tư dự án: 6.000 triệu đồng.

5. Cơ cấu nguồn vốn: Vốn đầu tư công ngân sách địa phương (nguồn vốn xây dựng cơ bản tập trung).

6. Địa điểm thực hiện dự án: Thị trấn Trại Cau, huyện Đông Hỷ, tỉnh Thái Nguyên.

7. Thời gian thực hiện dự án: Năm 2023 - 2025.

8. Tiến độ thực hiện dự án:

- Năm 2023: Chuẩn bị đầu tư;

- Năm 2024 - 2025: Triển khai thực hiện dự án; hoàn thành, nghiệm thu, bàn giao dự án đưa vào sử dụng.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

Ủy ban nhân dân tỉnh chịu trách nhiệm chỉ đạo các cơ quan có liên quan hoàn thành Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng của dự án trình cấp có

thẩm quyền quyết định đầu tư dự án theo đúng quy định của Luật Đầu tư công năm 2019 và các văn bản pháp luật liên quan.

Điều 3. Điều khoản thi hành

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết theo đúng quy định của pháp luật.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên Khóa XIV, Kỳ họp thứ mười bốn (Kỳ họp chuyên đề) thông qua ngày 31 tháng 8 năm 2023./.

CHỦ TỊCH

Phạm Hoàng Sơn

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH THÁI NGUYÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:72/NQ-HĐND

Thái Nguyên, ngày 31 tháng 8 năm 2023

NGHỊ QUYẾT

**Phê duyệt chủ trương đầu tư dự án Đường giao thông xóm Khe Cái - Suối Khê,
xã Vũ Chấn đi xóm Na Hấu, xã Nghinh Tường, huyện Võ Nhai**

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN KHÓA XIV, KỲ HỌP THỨ MƯỜI BỐN (KỲ HỌP CHUYÊN ĐỀ)

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Căn cứ Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09 tháng 02 năm 2021 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 11/2021/TT-BXD ngày 31 tháng 8 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn một số nội dung xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 510/QĐ-BXD ngày 19 tháng 5 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng công bố Suất vốn đầu tư xây dựng công trình và giá xây dựng tổng hợp bộ phận kết cấu công trình năm 2022;

Xét Tờ trình số 104/TTr-UBND ngày 23 tháng 8 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên quyết định chủ trương đầu tư dự án Đường giao thông xóm Khe Cái - Suối Khê, xã Vũ Chấn đi xóm Na Hấu, xã Nghinh Tường, huyện Võ Nhai; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phê duyệt chủ trương đầu tư dự án Đường giao thông xóm Khe Cái - Suối Khê, xã Vũ Chấn đi xóm Na Hấu, xã Nghinh Tường, huyện Võ Nhai, cụ thể như sau:

1. Mục tiêu đầu tư: Hoàn chỉnh hệ thống đường giao thông, kết nối giao thông nhằm thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, củng cố và tăng cường an ninh quốc phòng trong khu vực, góp phần giảm nghèo đối với đồng bào các dân tộc thuộc địa bàn xã Vũ Chấn, xã Nghinh Tường nói riêng và khu vực 06 xã phía Bắc của huyện Võ Nhai nói chung.

2. Quy mô đầu tư: Đầu tư nâng cấp tuyến đường giao thông xóm Khe Cái - Suối Khê, xã Vũ Chấn đi xóm Na Hấu, xã Nghinh Tường có tổng chiều dài 5,2 km, mặt đường bằng bê tông xi măng rộng 3,5 m; nền đường rộng 5 m, hệ thống thoát nước ngang, dọc và hệ thống an toàn giao thông trên tuyến hoàn chỉnh đồng bộ theo cấp công trình.

3. Nhóm dự án: Nhóm C.

4. Tổng mức đầu tư dự án: 20.000 triệu đồng.

5. Cơ cấu nguồn vốn: Vốn đầu tư công ngân sách địa phương giai đoạn 2021 - 2025 (ngân sách cấp tỉnh).

6. Địa điểm thực hiện dự án: Xã Vũ Chấn, xã Nghinh Tường, huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên.

7. Thời gian thực hiện dự án: Năm 2023 - 2025.

8. Tiến độ thực hiện dự án:

- Năm 2023: Chuẩn bị đầu tư;

- Năm 2024 - 2025: Triển khai thực hiện dự án; hoàn thành, nghiệm thu, bàn giao dự án đưa vào sử dụng.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

Ủy ban nhân dân tỉnh chịu trách nhiệm chỉ đạo các cơ quan liên quan hoàn thành Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng của dự án trình cấp có thẩm quyền quyết định đầu tư theo đúng quy định của Luật Đầu tư công năm 2019 và các văn bản pháp luật liên quan.

Điều 3. Điều khoản thi hành

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết theo đúng quy định pháp luật.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên Khoá XIV, Kỳ họp thứ mười bốn (Kỳ họp chuyên đề) thông qua ngày 31 tháng 8 năm 2023./.

CHỦ TỊCH

Phạm Hoàng Sơn

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH THÁI NGUYÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 73/NQ-HĐND

Thái Nguyên, ngày 31 tháng 8 năm 2023

NGHỊ QUYẾT

Phê duyệt chủ trương đầu tư dự án Xây dựng Trụ sở Hạt kiểm lâm Đại Từ

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN KHÓA XIV, KỲ HỌP THỨ MƯỜI BỐN (KỲ HỌP CHUYÊN ĐỀ)

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Căn cứ Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09 tháng 02 năm 2021 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 11/2021/TT-BXD ngày 31 tháng 8 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn một số nội dung xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 510/QĐ-BXD ngày 19 tháng 5 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng công bố Suất vốn đầu tư xây dựng công trình và giá xây dựng tổng hợp bộ phận kết cấu công trình năm 2022;

Xét Tờ trình số 105/TTr-UBND ngày 23 tháng 8 năm 2023 của Ủy ban nhân tỉnh Thái Nguyên quyết định chủ trương đầu tư dự án: Xây dựng Trụ sở Hạt kiểm lâm Đại Từ; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phê duyệt chủ trương đầu tư dự án Xây dựng Trụ sở Hạt kiểm lâm Đại Từ, cụ thể như sau:

1. Mục tiêu đầu tư: Đảm bảo cơ sở vật chất, điều kiện làm việc của Hạt kiểm lâm Đại Từ theo quy định.

2. Quy mô đầu tư:

- Khôi nhà làm việc: Gồm một nhà làm việc 03 tầng;
- Xây dựng 01 kho tang vật và dụng cụ phòng cháy chữa cháy;
- Xây dựng 01 nhà để xe;
- Các công trình phụ trợ khác gồm: Nhà thường trực; cổng, hàng rào; sân, đường nội bộ, kho bãi ngoài trời; cấp thoát nước ngoài nhà, phòng cháy chữa cháy, bể chứa nước, khoan giếng; cấp điện ngoài nhà, thu lôi chống sét; san, đắp nền.

3. Nhóm dự án: Nhóm C.

4. Tổng mức đầu tư dự án: 12.240 triệu đồng.

5. Cơ cấu nguồn vốn:

- Vốn đầu tư công ngân sách địa phương giai đoạn 2021 - 2025 (ngân sách cấp tỉnh): 9.077 triệu đồng;
- Nguồn kinh phí bồi thường giải phóng mặt bằng dự án Đường kết nối từ quốc lộ 37 với đường ĐT 270 (đoạn qua tổ dân phố An Long) chi trả cho phần bồi thường tài sản của Hạt kiểm lâm Đại Từ cũ: 2.003 triệu đồng;
- Nguồn vốn ngân sách huyện Đại Từ chi trả cho công tác bồi thường giải phóng mặt bằng để xây dựng Trụ sở Hạt kiểm lâm Đại Từ (tại vị trí mới): 1.160 triệu đồng.

6. Địa điểm thực hiện dự án: Khu đô thị An Long, thị trấn Hùng Sơn, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên.

7. Thời gian thực hiện dự án: Năm 2023 - 2025.

8. Tiến độ thực hiện dự án

- Năm 2023: Thực hiện bồi thường giải phóng mặt bằng; chuẩn bị đầu tư dự án.

- Năm 2024 - 2025: Triển khai thực hiện dự án; hoàn thành, nghiệm thu, bàn giao dự án đưa vào sử dụng.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

Ủy ban nhân dân tỉnh chịu trách nhiệm chỉ đạo các cơ quan có liên quan hoàn thành Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng của dự án trình cấp có thẩm quyền quyết định đầu tư theo đúng quy định của Luật Đầu tư công năm 2019 và các văn bản pháp luật có liên quan.

Điều 3. Điều khoản thi hành

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết theo đúng quy định của pháp luật.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên Khóa XIV, Kỳ họp thứ mười bốn (Kỳ họp chuyên đề) thông qua ngày 31 tháng 8 năm 2023./.

CHỦ TỊCH

Phạm Hoàng Sơn

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH THÁI NGUYÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:74/NQ-HĐND

Thái Nguyên, ngày 31 tháng 8 năm 2023

NGHỊ QUYẾT

**Phê duyệt điều chỉnh chủ trương đầu tư Dự án Tu bổ, tôn tạo di tích
Đền thờ Lý Nam Đế (Đền Mực) xã Tiên Phong, thị xã Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên**

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN KHÓA XIV, KỲ HỌP THỨ MƯỜI BỐN (KỲ HỌP CHUYÊN ĐỀ)

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Căn cứ Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09 tháng 02 năm 2021 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03 tháng 3 năm 2021 quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị quyết số 199/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc thông qua Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 tỉnh Thái Nguyên;

Căn cứ Nghị quyết số 96/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc thông qua Kế hoạch đầu tư công tỉnh Thái Nguyên năm 2023;

Căn cứ Nghị quyết số 28/NQ-HĐND ngày 20 tháng 7 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh về quyết định thời gian bố trí vốn thực hiện dự án đối với dự án sử dụng vốn ngân sách địa phương;

Xét Tờ trình số 108/TTr-UBND ngày 23 tháng 8 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên phê duyệt điều chỉnh chủ trương đầu tư Dự án tu bổ, tôn tạo di tích Đền thờ Lý Nam Đế (Đền Mực) xã Tiên Phong, thị xã Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên; Báo cáo thẩm tra của Ban Văn hóa - xã hội Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Điều chỉnh chủ trương đầu tư Dự án tu bổ, tôn tạo di tích Đền thờ Lý Nam Đế (Đền Mục) xã Tiên Phong, thị xã Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên tại Văn bản số 232/HĐND-KTNS ngày 25 tháng 8 năm 2016 của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên về việc Quyết định chủ trương đầu tư Dự án tu bổ, tôn tạo di tích Đền thờ Lý Nam Đế xã Tiên Phong, thị xã Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên, cụ thể như sau:

1. Điều chỉnh tổng mức đầu tư: 76.250 triệu đồng (*tăng 16.250 triệu đồng chi phí bồi thường, giải phóng mặt bằng*).

2. Điều chỉnh cơ cấu nguồn vốn và phân kỳ đầu tư:

- Nguồn vốn ngân sách hỗ trợ có mục tiêu (*Chương trình mục tiêu phát triển văn hóa*): 24.788 triệu đồng.

- Nguồn vốn đầu tư công ngân sách địa phương giai đoạn 2021 - 2025 (*nguồn vốn xây dựng cơ bản tập trung*): 51.462 triệu đồng.

- Phân kỳ đầu tư:

+ Nguồn vốn phân bổ năm 2019 - 2022: 33.686 triệu đồng (*trong đó ngân sách hỗ trợ có mục tiêu - Chương trình mục tiêu phát triển văn hóa: 24.788 triệu đồng; ngân sách địa phương: 8.898 triệu đồng*).

+ Nguồn vốn phân bổ năm 2023 - 2024: 42.564 triệu đồng (*nguồn vốn ngân sách địa phương*).

3. Điều chỉnh thời gian thực hiện: Thời gian thực hiện dự án đến hết năm 2024.

4. Các nội dung khác giữ nguyên theo Văn bản số 232/HĐND-KTNS ngày 25 tháng 8 năm 2016 của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên về việc Quyết định chủ trương đầu tư Dự án tu bổ, tôn tạo di tích Đền thờ Lý Nam Đế xã Tiên Phong, thị xã Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết theo đúng quy định của pháp luật và chịu trách nhiệm về tính chính xác của hồ sơ, số liệu dự án.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên Khóa XIV, Kỳ họp thứ mười bốn (Kỳ họp chuyên đề) thông qua ngày 31 tháng 8 năm 2023./.

CHỦ TỊCH

Phạm Hoàng Sơn

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH THÁI NGUYÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 75/NQ-HĐND

Thái Nguyên, ngày 31 tháng 8 năm 2023

NGHỊ QUYẾT

**Bãi bỏ chủ trương đầu tư Dự án
Nhà đa năng Trường Chính trị tỉnh Thái Nguyên**

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN KHÓA XIV, KỲ HỌP THỨ MƯỜI BỐN (KỲ HỌP CHUYÊN ĐỀ)

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Căn cứ Nghị quyết số 165/NQ-HĐND ngày 12 tháng 8 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc phê duyệt chủ trương đầu tư một số dự án phục vụ hoạt động của các cơ quan, đơn vị, tổ chức nhà nước.

Thực hiện Quy định số 11-QĐ/TW ngày 19 tháng 5 năm 2021 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về trường chính trị chuẩn;

Xét Tờ trình số 107/TTr-UBND ngày 23 tháng 8 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên về việc phê duyệt bãi bỏ chủ trương đầu tư dự án: Nhà đa năng Trường Chính trị tỉnh Thái Nguyên; Báo cáo thẩm tra của Ban Văn hóa - xã hội Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Bãi bỏ chủ trương đầu tư Dự án Nhà đa năng Trường Chính trị tỉnh Thái Nguyên được quy định tại khoản 4 Điều 1 của Nghị quyết số 165/NQ-HĐND ngày 12 tháng 8 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc phê duyệt chủ trương đầu tư một số dự án phục vụ hoạt động của các cơ quan, đơn vị, tổ chức nhà nước.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết và chịu trách nhiệm chỉ đạo các cơ quan có liên quan hoàn thiện thủ tục, hồ sơ và xử lý những vướng mắc, tồn tại của dự án (nếu có) theo đúng quy định của pháp luật.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên Khóa XIV, Kỳ họp thứ mười bốn (Kỳ họp chuyên đề) thông qua ngày 31 tháng 8 năm 2023./.

CHỦ TỊCH

Phạm Hoàng Sơn

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH THÁI NGUYÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 76/NQ-HĐND

Thái Nguyên, ngày 31 tháng 8 năm 2023

NGHỊ QUYẾT

**Về việc bãi bỏ chủ trương đầu tư dự án xây dựng hạ tầng Cụm công nghiệp
Cây Bòng, xã La Hiên, huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN
KHÓA XIV, KỲ HỌP THỨ MƯỜI BỐN (KỲ HỌP CHUYÊN ĐỀ)**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;

Xét Tờ trình số 111/TTr-UBND ngày 23 tháng 8 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên về việc bãi bỏ chủ trương đầu tư Dự án xây dựng hạ tầng Cụm công nghiệp Cây Bòng, xã La Hiên, huyện Võ Nhai; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Bãi bỏ chủ trương đầu tư Dự án xây dựng hạ tầng Cụm công nghiệp Cây Bòng, xã La Hiên, huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên được Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên quyết định tại Văn bản số 521/HĐND-VP ngày 31 tháng 10 năm 2018.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

Ủy ban nhân dân tỉnh chịu trách nhiệm chỉ đạo các cơ quan, đơn vị hoàn thiện các thủ tục, hồ sơ và xử lý những nội dung vướng mắc, tồn tại có liên quan của dự án theo đúng quy định của pháp luật.

Điều 3. Điều khoản thi hành

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết theo đúng quy định của pháp luật.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên Khóa XIV, Kỳ họp thứ mười bốn (Kỳ họp chuyên đề) thông qua ngày 31 tháng 8 năm 2023./.

CHỦ TỊCH

Phạm Hoàng Sơn

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH THÁI NGUYÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 77/NQ-HĐND

Thái Nguyên, ngày 31 tháng 8 năm 2023

NGHỊ QUYẾT

Về việc điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch đầu tư công tỉnh Thái Nguyên năm 2023

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN KHÓA XIV, KỲ HỌP THỨ MƯỜI BỐN (KỲ HỌP CHUYÊN ĐỀ)

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 973/2020/UBTVQH14 ngày 08 tháng 7 năm 2020 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021 - 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 29/2021/QH15 ngày 28 tháng 7 năm 2021 của Quốc hội về Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025;

Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Căn cứ Quyết định số 26/2020/QĐ-TTg ngày 14 tháng 9 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị quyết số 973/2020/UBTVQH14 ngày 08 tháng 7 năm 2020 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021 - 2025;

Căn cứ Quyết định số 1535/QĐ-TTg ngày 15 tháng 9 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ về giao Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021 - 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 07/2020/NQ-HĐND ngày 11 tháng 12 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách địa phương giai đoạn 2021 - 2025 tỉnh Thái Nguyên;

Căn cứ Nghị quyết số 199/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2021 của

Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên về thông qua Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 tỉnh Thái Nguyên;

Căn cứ Nghị quyết số 07/NQ-HĐND ngày 31 tháng 3 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên về việc điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 tỉnh Thái Nguyên;

Căn cứ Nghị quyết số 24/NQ-HĐND ngày 16 tháng 6 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên về việc điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 tỉnh Thái Nguyên;

Căn cứ Nghị quyết số 62/NQ-HĐND ngày 29 tháng 8 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên về việc điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 tỉnh Thái Nguyên;

Căn cứ Nghị quyết số 96/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên về việc thông qua Kế hoạch đầu tư công tỉnh Thái Nguyên năm 2023;

Căn cứ Nghị quyết số 30/NQ-HĐND ngày 20 tháng 7 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên về việc điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 tỉnh Thái Nguyên;

Xét Tờ trình số 114/TTr-UBND ngày 25 tháng 8 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên về việc thông qua điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch đầu tư công tỉnh Thái Nguyên năm 2023; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch đầu tư công tỉnh Thái Nguyên năm 2023, cụ thể như sau:

1. Điều chỉnh tăng Kế hoạch đầu tư công tỉnh Thái Nguyên năm 2023 từ 8.092.754 triệu đồng lên 8.140.073 triệu đồng (tăng 47.319 triệu đồng).

(Chi tiết tại Phụ lục I kèm theo)

2. Điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch đầu tư công

2.1. Nguồn vốn ngân sách địa phương (xây dựng cơ bản tập trung)

a) Điều chỉnh tăng kế hoạch vốn

- Điều chỉnh tăng nguồn vốn ngân sách địa phương (xây dựng cơ bản tập trung)

từ 913.501 triệu đồng lên 936.791 triệu đồng (*tăng 23.290 triệu đồng*);

- Phân bổ chi tiết 23.290 triệu đồng cho Ủy ban nhân dân thành phố Thái Nguyên (phần ngân sách tỉnh phân cấp cho cấp huyện) để địa phương bố trí vốn cho các công trình, dự án có tác động lớn đến phát triển kinh tế - xã hội theo điểm đ khoản 1 Điều 8 Nghị quyết số 07/2020/NQ-HĐND ngày 11 tháng 12 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh.

b) Điều chỉnh, bổ sung kế hoạch vốn

- Điều chỉnh giảm 154.063,358 triệu đồng đối với 20 dự án, gồm: 13 dự án điều chỉnh giảm cho phù hợp với giá trị nghiệm thu, quyết toán dự án; 04 dự án đang đề nghị điều chỉnh giảm khối lượng thực hiện; 03 dự án tạm dừng, chưa triển khai được các bước tiếp theo.

- Bổ sung kế hoạch vốn 154.063,358 triệu đồng cho 24 dự án, nhiệm vụ, gồm: 03 dự án chuyên tiếp, 07 dự án khởi công mới năm 2023 (trong đó, bố trí vốn đối ứng thực hiện bồi thường, giải phóng mặt bằng 01 dự án do Bộ, ngành Trung ương phê duyệt); 10 dự án dự kiến khởi công mới năm 2024; 02 dự án có nhu cầu bổ sung vốn để hoàn thành trong năm 2023; 01 dự án hoàn trả vốn vay; hỗ trợ 01 địa phương về đích nông thôn mới trong năm 2023.

(Chi tiết tại Phụ lục II kèm theo)

2.2. Nguồn vốn thu tiền sử dụng đất và sắp xếp lại nhà đất trên địa bàn tỉnh (cấp tỉnh quản lý)

a) Điều chỉnh tăng nguồn vốn thu tiền sử dụng đất và sắp xếp lại nhà đất trên địa bàn tỉnh (cấp tỉnh quản lý) từ 613.843 triệu đồng lên 637.872 triệu đồng (*tăng 24.029 triệu đồng*).

b) Điều chỉnh giảm 3.883 triệu đồng đối với 01 dự án không còn nhu cầu sử dụng vốn.

c) Bổ sung kế hoạch vốn 27.912 triệu đồng cho 02 dự án để thanh toán khối lượng đã được nghiệm thu.

(Chi tiết tại Phụ lục III kèm theo)

2.3. Nguồn vốn nước ngoài vay lại (Bội chi ngân sách địa phương)

a) Điều chỉnh giảm 2.542 triệu đồng của 01 dự án đã hết nhiệm vụ chi và phần còn lại tại Tiểu mục 2.3, mục 2, Phụ lục I Nghị quyết số 96/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh.

b) Bổ sung kế hoạch vốn 2.542 triệu đồng cho 02 dự án để giải ngân đồng thời với Kế hoạch vốn nước ngoài ngân sách Trung ương năm 2022 đã được Thủ tướng Chính phủ cho phép kéo dài sang năm 2023.

(Chi tiết tại Phụ lục IV kèm theo)

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết theo đúng quy định của Luật Đầu tư công năm 2019 và các văn bản pháp luật có liên quan; đồng thời chịu trách nhiệm về tính chính xác số liệu của các dự án.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên Khóa XIV, Kỳ họp thứ mười bốn (Kỳ họp chuyên đề) thông qua ngày 31 tháng 8 năm 2023./.

CHỦ TỊCH

Phạm Hoàng Sơn

Phụ lục I**ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG VỐN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2023 TỈNH THÁI NGUYÊN**

(Kèm theo Nghị quyết số: 77/NQ-HĐND ngày 31 tháng 8 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Nội dung	Kế hoạch vốn năm 2023 đã giao	Kế hoạch vốn năm 2023 bổ sung	Kế hoạch vốn năm 2023 sau điều chỉnh	Ghi chú
	Tổng số vốn đầu tư công	8.092.754	47.319	8.140.073	
1	Vốn ngân sách Trung ương	1.849.063		1.849.063	
-	Vốn trong nước	1.711.714		1.711.714	
	Trong đó:				
	<i>Vốn ngân sách Trung ương đầu tư theo ngành, lĩnh vực, dự án trọng điểm, liên vùng</i>	1.016.300		1.016.300	
	<i>Vốn các Chương trình mục tiêu quốc gia</i>	420.414		420.414	
	<i>Vốn Chương trình Phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội</i>	275.000		275.000	
-	Vốn nước ngoài	137.349		137.349	
2	Vốn đầu tư trong cân đối ngân sách địa phương	6.243.691	47.319	6.291.010	
	<i>Trong đó: Hỗ trợ xây dựng nông thôn mới</i>	217.600		217.600	
2.1	Vốn đầu tư xây dựng cơ bản tập trung	913.501	23.290	936.791	
-	Cấp tỉnh	662.930	31.000	631.930	
-	Cấp huyện	250.571	54.290	304.861	Chi tiết theo Phụ lục II

2.2	Vốn đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết	13.000		13.000	
-	Các dự án thuộc lĩnh vực Giáo dục và Đào tạo do cấp tỉnh quản lý	7.000		7.000	
-	Hỗ trợ chương trình xây dựng nông thôn mới	6.000		6.000	
2.3	Nguồn vốn nước ngoài vay lại (Bội chi ngân sách địa phương)	287.700		287.700	
-	Đã phân bổ chi tiết theo nhu cầu thực tế	256.617	1.699	258.316	
-	Phần còn lại	31.083	-1.699	29.384	Chi tiết theo Phụ lục IV
2.4	Đầu tư từ nguồn thu sử dụng đất và bán tài sản trên đất, chuyển nhượng quyền sử dụng đất	4.929.490	24.029	4.953.519	
-	Các dự án sử dụng nguồn vốn thu tiền sử dụng đất	317.439		317.439	
-	Các dự án sử dụng nguồn vốn thu tiền sử dụng đất và sắp xếp lại nhà đất trên địa bàn tỉnh	613.843	24.029	637.872	Chi tiết theo Phụ lục III
-	Các dự án sử dụng nguồn vốn thu tiền sử dụng đất của các huyện, thành phố và chi đầu tư khác	3.998.208		3.998.208	
+	<i>Cấp huyện quản lý</i>	<i>3.880.800</i>		<i>3.880.800</i>	
+	<i>Chi đầu tư khác</i>	<i>117.408</i>		<i>117.408</i>	
2.5	Nguồn thu tiền thuê đất có cơ sở hạ tầng nộp một lần của các nhà đầu tư và vốn sử dụng đất	100.000		100.000	

Phụ lục II
ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2023
NGUỒN VỐN: NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG (XÂY DỰNG CƠ BẢN TẬP TRUNG)
(Kèm theo Nghị quyết số: 77/NQ-HĐND ngày 31 tháng 8 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

TT	Danh mục dự án/chương trình	Thời gian khởi công, hoàn thành	Quyết định đầu tư/Quyết định phê duyệt dự án/Quyết định phê duyệt quyết toán				Kế hoạch đầu tư công Trung hạn giai đoạn 2021-2025 đã giao	Lũy kế khối lượng thực hiện từ khởi công đến thời điểm báo cáo	Lũy kế vốn đã bố trí từ khởi công đến thời điểm báo cáo	Kế hoạch vốn năm 2023 đã giao	Điều chỉnh, bổ sung		Kế hoạch năm 2023 sau điều chỉnh, bổ sung	Lý do điều chỉnh	Chủ đầu tư/Đơn vị thực hiện	Ghi chú
			Số, ngày, tháng, năm	Tổng số	Trong đó:						Tăng	Giảm				
					Ngân sách Trung ương	Ngân sách địa phương										
A	ĐIỀU CHỈNH TĂNG NGUỒN VỐN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG XÂY DỰNG CƠ BẢN TẬP TRUNG TRONG NƯỚC NĂM 2023								913.501	23.290		936.791				
I	NGUỒN VỐN BỔ SUNG									23.290						

B1	ĐIỀU CHỈNH GIÁM KẾ HOẠCH VỐN			4.305.513	1.748.145	1.499.405	725.593	2.577.994	2.804.147	305.284,700	-	154.063,358	151.221,342			
I	GIÁO DỤC, ĐÀO TẠO VÀ GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP			63.697	16.208	47.489	8.802	50.830	56.100	9.272	-	5.890	3.382			
	Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2016 - 2020 sang giai đoạn 2021 - 2025, đã hoàn thành, quyết toán															
1	Trưởng phổ thông dân tộc nội trú THCS Định Hóa tỉnh Thái Nguyên	2017-2021	Quyết định số 2874/QĐ-UBND ngày 31/10/2016	63.697	16.208	47.489	8.802	50.830	56.100	9.272		5.890	3.382	Điều chỉnh giảm phù hợp với giá trị khối lượng hoàn thành quyết toán	Sở Giáo dục và Đào tạo	
II	VĂN HÓA, THÔNG TIN			83.453	24.788	58.665	54.212	51.793	72.967	36.952	-	14.752	22.200			
	Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2016 - 2020 sang giai đoạn 2021 - 2025, chuyển tiếp sang năm 2024															

1	Tăng cường quản lý đất đai và cơ sở dữ liệu đất đai tỉnh Thái Nguyên	2017-2023	Quyết định số 2833/QĐ-UBND ngày 28/10/2016; 1866/QĐ-UBND ngày 12/8/2022	149.194	125.368	23.826	8.620	110.183	139.592	6.475		3.856	2.619	Giảm giá trị khối lượng công việc hoàn thành	Sở Tài nguyên và Môi trường	
IV	CÁC HOẠT ĐỘNG KINH TẾ			3.977.692	1.581.781	1.337.948	638.604	2.336.995	2.505.852	243.682	-	128.337,658	115.344,342			
a)	Nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy lợi và thủy sản			1.227.538	213.641	301.451	165.574	223.064	237.124	34.034	-	11.460,658	22.573,342			
	Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2016 - 2020 sang giai đoạn 2021 - 2025, đã hoàn thành, quyết toán															

3	Dự án: Khu tái định cư xã Vạn Thọ, huyện Đại Từ		Quyết định số 2390/QĐ-UBND ngày 27/10/2014	16.119	14.000	2.119	2.119			2.119		2.119	-	Do dự án đang tạm dừng thi công theo chỉ đạo của UBND tỉnh tại Văn bản số 1532/UBND-CNN ngày 16/5/2016 do sạt lở đất, chưa thống nhất được phương án điều chỉnh dự án	Chi cục Phát triển nông thôn	Dự án được bố trí vốn đến hết năm 2023 theo Nghị quyết 139/NQ-HĐND ngày 12/8/2021
	Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2016 - 2020 sang giai đoạn 2021 - 2025, hoàn thành trong năm 2023															
4	Củng cố, nâng cấp tuyến đê Chã, huyện Phò Yên (đoạn từ đầu đường ứng cứu đê K3+100)	2014-2023	Quyết định số 2217/QĐ-UBND ngày 25/10/2013	147.241	89.641	57.600	15.471	137.605	142.542	10.337		2.000	8.337	Hiện trạng một số đoạn có nhà ở sát đê Chã có cao trình bằng cao trình mặt đê đã thi công. Nhân dân và địa phương đề nghị cắt giảm không thi công một số đoạn đường gom đê tăng hiệu quả đầu tư, đảm bảo kết nối giao thông giữa khu dân cư hiện có với tuyến đê Chã.	Chi cục Thủy lợi	

	Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2016 - 2020 sang giai đoạn 2021 - 2025, chuyển tiếp sang năm 2024															
5	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật vùng sản xuất chè tập trung an toàn, chất lượng cao tỉnh Thái Nguyên	2020-2024	Quyết định số 4122/QĐ-BNN-TCTL ngày 30/10/2019	80.000	65.000	15.000	7.683	45.930	51.967	5.000		4.037	963	Một số hộ dân tự nguyện hiến đất nên chi phí giải phóng mặt bằng chưa sử dụng đến là 4.037 triệu đồng. Đồng thời, hiện nay Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đang xem xét điều chỉnh giảm hạng mục đầu tư xây dựng khu tưới xã La Bằng, huyện Đại Từ	Chi cục Thủy lợi	
	Dự án khởi công mới giai đoạn 2021 - 2025, đang hoàn thiện thủ tục đầu tư															
6	Dự án phát triển cơ sở hạ tầng thích ứng với biến đổi khí hậu để hỗ trợ sản xuất cho đồng bào dân tộc các tỉnh miền núi, trung du phía Bắc - Tỉnh Thái Nguyên	2024-2024	Quyết định số 983/QĐ-TTg ngày 16/8/2022	921.178		208.732	126.275	15.000	17.922	15.000		2.980	12.020	Nhà tài trợ thay đổi kế hoạch làm việc, chưa triển khai được bước tiếp theo	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	

b)	Giao thông			2.311.610	1.368.140	943.470	382.278	2.108.796	2.251.344	197.399	-	104.628	92.771		
	Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2016-2020 sang giai đoạn 2021-2025, đã hoàn thành, quyết toán														
1	Cải tạo, nâng cấp đường ĐT.261 đoạn từ Km1+00 đến Km20+00, tỉnh Thái Nguyên	2021-2022	Quyết định số 3574/QĐ-UBND ngày 30/10/2019; số 3048/QĐ-UBND ngày 28/9/2021	218.929	197.060	21.869	17.657	179.896	216.968	14.206		2.343	11.863	Điều chỉnh giám cho phù hợp với giá trị quyết toán dự án và kế hoạch đầu tư công trung hạn 2021 - 2025	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình giao thông
2	Đường gom Quốc lộ 3 mới Hà Nội - Thái Nguyên đoạn từ Khu công nghiệp Yên Bình đến đường ĐT.266 (Khu công nghiệp Diêm Thụy)	2014-2017	Quyết định số 1173/QĐ-UBND ngày 13/6/2014; số 2233/QĐ-UBND ngày 09/10/2014; số 204/QĐ-UBND ngày 22/01/2016	297.740		297.740	21.280	236.426	244.435	8.000		6.753	1.247	Điều chỉnh giám cho phù hợp với giá trị quyết toán dự án và kế hoạch đầu tư công trung hạn 2021 - 2025	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình giao thông

3	Đường nối từ Quốc lộ 3 mới (Hà Nội - Thái Nguyên) đến Khu công nghiệp Yên Bình (đoạn từ nút giao Yên Bình đến Km1+631,8)	2014-2017	Quyết định số 2073/QĐ-UBND ngày 19/9/2014; số 1234/QĐ-UBND ngày 27/5/2015	345.801	200.000	145.801	16.268	324.261	345.801	27.124		21.435	5.689	Điều chỉnh giảm cho phù hợp với giá trị quyết toán dự án và kế hoạch đầu tư công trung hạn 2021 - 2025	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình giao thông
4	Nâng cấp đường Hòa Thượng - Hòa Bình (Nâng cấp thành đường ĐT.273)	2018-2021	Quyết định số 3295/QĐ-UBND ngày 27/10/2017	125.371	90.000	35.371	9.834	109.596	125.371	17.296		15.630	1.666	Điều chỉnh giảm cho phù hợp với giá trị quyết toán dự án và kế hoạch đầu tư công trung hạn 2021 - 2025	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình giao thông
5	Nâng cấp đường Cù Vân - An Khánh - Phúc Hà, tỉnh Thái Nguyên	2016-2021	Quyết định số 2992/QĐ-UBND ngày 30/10/2015; số 2726/QĐ-UBND ngày 27/8/2019	170.000	121.080	48.920	5.384	160.372	165.000	6.341		4.269	2.072	Điều chỉnh giảm cho phù hợp với giá trị quyết toán dự án và kế hoạch đầu tư công trung hạn 2021 - 2025	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình giao thông

6	Đường vành đai V vùng Thủ đô Hà Nội (Đoạn tuyến đi trùng Đại lộ Đông - Tây Khu tổ hợp Yên Bình và cầu vượt sông Cầu)	2018-2022	Quyết định số 2187/QĐ-UBND ngày 20/7/2017; số 2988/QĐ-UBND ngày 20/9/2021	952.813	760.000	192.813	155.047	914.223	952.813	104.683		37.266	67.417	Điều chỉnh giảm cho phù hợp với giá trị quyết toán dự án và kế hoạch đầu tư công trung hạn 2021 - 2025	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình giao thông
7	Cải tạo, nâng cấp đường ĐT.266 đoạn từ ngã tư Sông Công (giao Quốc lộ 3 cũ) đến ngã tư Đầm Thụy (giao Quốc lộ 37)	2021-2022	Quyết định số 1600/QĐ-UBND ngày 21/5/2021	200.956		200.956	156.808	184.024	200.956	19.749		16.932	2.817	Điều chỉnh giảm cho phù hợp với giá trị quyết toán dự án và kế hoạch trung hạn 2021 - 2025	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình giao thông
e)	Cấp nước, thoát nước			438.544	-	93.027	90.752	5.135	17.384	12.249		12.249	0,00		

1	Hệ thống thoát nước và xử lý nước thải khu trung tâm phía Nam thành phố Thái Nguyên	2019-2023	Quyết định số 1227/QĐ-UBND ngày 27/5/2015	438.544	-	93.027	90.752	5.135	17.384	12.249	-	12.249	0,00	Dự án triển khai chậm so với kế hoạch, Hợp đồng với nhà thầu nước ngoài đã hết hạn vào ngày 22/7/2023	Công ty TNHH một thành viên thoát nước và phát triển hạ tầng đô thị Thái Nguyên
V	HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC CƠ QUAN QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC, ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CÔNG LẬP, TỔ CHỨC CHÍNH TRỊ VÀ CÁC TỔ CHỨC CHÍNH TRỊ - XÃ HỘI			31.477	-	31.477	15.355	28.193	29.637	8.903,700	-	1.228	7.676		
	Dự án khởi công mới giai đoạn 2021 - 2025, hoàn thành năm 2023														
1	Dự án Xây dựng trụ sở nhà làm việc và các công trình phụ trợ của Hạt Kiểm lâm huyện Đông Hồ	2021-2023	Quyết định số 1882/QĐ-UBND ngày 11/6/2021; Số 3129/QĐ-UBND ngày 07/10/2021	16.979		16.979	15.139	14.193	15.139	8.406		946	7.460	Công trình hoàn thành xây dựng có khối lượng nghiệm thu giám so với dự án ban đầu được phê duyệt	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

	Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2016-2020 sang giai đoạn 2021-2025, đã hoàn thành, quyết toán															
2	Dự án Cải tạo, nâng cấp Trụ sở làm việc Sở Giao thông vận tải tỉnh Thái Nguyên	2020-2022	Quyết định số 3510/QĐ-UBND ngày 05/11/2020	14.497,7		14.497,7	216,0	14.000	14.497,7	497,700		281,700	216	Trong quá trình thẩm tra phê duyệt quyết toán giảm trừ khối lượng tính thừa của công trình	Sở Giao thông vận tải Thái Nguyên	Đã nộp trả số tiền phải thu hồi 315,449 triệu đồng
B2	ĐIỀU CHỈNH TĂNG KẾ HOẠCH VỐN			1.597.839	265.645	1.089.069	662.975	518.118	571.737	104.628	154.063,358	-	258.691,358			
B2.1	PHÂN THEO NGÀNH, LĨNH VỰC			1.496.989	265.645	988.219	562.125	518.118	571.737	104.628	151.958,027	-	256.586,027			
I	QUỐC PHÒNG			40.000	-	40.000	40.000	-	5.900	5.900	5.059		10.959			
	Dự án khởi công mới năm 2023															
1	Dự án Xây dựng Trụ sở Ban Chỉ huy quân sự cấp xã giai đoạn 2021 - 2025	2022-2024	Quyết định số 1376/QĐ-UBND ngày 16/6/2023	40.000		40.000	40.000	-	5.900	5.900	5.059		10.959	Bổ trí vốn triển khai dự án khởi công mới	Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh	

II	AN NINH VÀ TRẬT TỰ, AN TOÀN XÃ HỘI			115.500	-	37.130	37.130	-	355	-	18.952,027	18.952,027			
	Dự án khởi công mới năm 2023														
1	Dự án Cơ sở làm việc Công an huyện Định Hóa	2023-2025	Quyết định số 1101/QĐ-BCA-H01 ngày 07/3/2023; 1687/QĐ-BCA-H02 ngày 31/3/2023	95.500		17.130	17.130	0	-	-	17.130	17.130	Bổ trí vốn triển khai dự án khởi công mới	Công an tỉnh Thái Nguyên	Tinh hỗ trợ kinh phí giải phóng mặt bằng
2	Dự án Trụ sở Phòng Cảnh sát Phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn cứu hộ Công an tỉnh	2023-2024	Nghị quyết số 178/NQ-HĐND ngày 4/11/2021; Quyết định số 1404/QĐ-UBND ngày 27/6/2022	20.000		20.000	20.000	-	355	-	1.822,027	1.822,027	Bổ trí vốn triển khai dự án khởi công mới	Công an tỉnh Thái Nguyên	
III	GIÁO DỤC, ĐÀO TẠO VÀ GIÁO DỤC NGHỀ			30.000	-	21.639	21.639	-	4.500	4.400	2.000	-	6.400		

2	Nhà in Báo Thái Nguyên		Nghị quyết số 23/NQ-HĐND ngày 20/7/2023	9.989		9.989	9.989				3.000		3.000	Bổ trí vốn triển khai dự án khởi công mới	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình Dân dụng và Công nghiệp	
VI	XÃ HỘI			45.000	33.369	11.631	11.631	50	-	-	5.000	-	5.000			
	Dự án khởi công mới giai đoạn 2021 - 2025, chuyển tiếp sang năm 2024															
1	Nâng cấp, cải tạo cơ sở cai nghiện đa chức năng tỉnh Thái Nguyên	2023-2024	Nghị quyết số 73/NQ-HĐND ngày 21/6/2021; Quyết định số 3215/QĐ-UBND ngày 14/10/2021	45.000	33.369	11.631	11.631	50	-		5.000		5.000	Bổ trí vốn để đẩy nhanh tiến độ thực hiện dự án	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình Dân dụng và Công nghiệp	
VII	CÁC HOẠT ĐỘNG KINH TẾ			395.240	178.751	191.295	76.150	228.711	209.909	9.750	26.235	-	35.985			

	Nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy lợi và thủy sản			395.240	178.751	191.295	76.150	228.711	209.909	9.750	26.235		35.985		
	Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2016 - 2020 sang giai đoạn 2021 - 2025, hoàn thành trong năm 2023														
1	Dự án mở rộng quy mô vệ sinh và nước sạch nông thôn tỉnh Thái Nguyên	2017-2022	Quyết định số 2812/QĐ-UBND ngày 28/10/16; 4037/QĐ-UBND ngày 16/12/2019; 1322/QĐ-UBND ngày 29/4/2021; 1545/QĐ-UBND ngày 07/7/2023	231.223	178.751	27.278	11.150	219.511	199.909	-	4.235		4.235	Đề hoàn trả vốn vay WB theo chủ trương của UBND tỉnh tại Văn bản số 6261/UBND-CNNXD ngày 13/12/2022	Trung tâm Nước sinh hoạt và vệ sinh môi trường nông thôn
	Dự án khởi công mới năm 2023														
2	Cải tạo, nâng cấp các hồ đập trên địa bàn	2023-2025	Quyết định số 3006/QĐ-UBND ngày 30/11/2022	149.017		149.017	50.000	7.000	7.650	7.500	15.000		22.500	Bổ trí vốn triển khai thi công xây lắp vào Quý IV/2023, đảm bảo an toàn hồ chứa	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

3	Sửa chữa, khắc phục Kê Soi Quýt xã Tiên Phong, Thị xã Phò Yên (nay là thành phố Phò Yên)		Nghị quyết số 145/NQ-HĐND ngày 12/8/2021; Quyết định số 2411/QĐ-UBND ngày 03/10/2022	15.000		15.000	15.000	2.200	2.350	2.250	7.000		9.250	Công trình phòng chống lũ cần bổ sung thêm vốn để sớm hoàn thành đưa vào sử dụng	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
VIII	HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC CƠ QUAN QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC, ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CÔNG LẬP, TỔ CHỨC CHÍNH TRỊ VÀ CÁC TỔ CHỨC CHÍNH TRỊ - XÃ HỘI			405.000	-	405.000	88.312	12.000	177.778	30.000	51.312		81.312		
	Dự án khôi công mới giai đoạn 2021 - 2025, chuyển tiếp sang năm 2024														
1	Dự án Xây dựng Trụ sở làm việc khối các cơ quan tỉnh Thái Nguyên	2023-2024	Quyết định số 2758/QĐ-UBND ngày 11/11/2022	405.000		405.000	88.312	12.000	177.778	30.000	51.312		81.312	Điều chỉnh tăng để đẩy nhanh tiến độ thực hiện dự án	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình Dân dụng và Công nghiệp

IX	CÁC NHIỆM VỤ, CHƯƠNG TRÌNH, DỰ ÁN KHÁC THEO QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT			-	-	-	162.274	102.160	102.160	30.928	31.000	-	61.928		
	VỐN XÂY DỰNG CƠ BẢN TẬP TRUNG (PHÂN CẤP CHO HUYỆN)			-	-	-	162.274	102.160	102.160	30.928	31.000	-	61.928		
1	Huyện Đại Từ						162.274	102.160	102.160	30.928	31.000		61.928	Bổ sung kế hoạch vốn để địa phương phân đầu về đích nông thôn mới trong năm 2023	Ủy ban nhân dân huyện Đại Từ
B2.2	BỘ TRÍ KẾ HOẠCH VỐN CHUẨN BỊ ĐẦU TƯ, THỰC HIỆN ĐẦU TƯ			100.850	-	100.850	100.850	-	-	-	2.105,331		2.105,331		Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình Dân dụng và Công nghiệp
I	GIÁO DỤC, ĐÀO TẠO VÀ GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP			95.850	-	95.850	95.850	-	-	-	1.905,331		1.905,331		
1	Dự án Nhà lớp học 16 phòng Trường Trung học phổ thông Sông Công	2022-2024	Nghị quyết số 155/NQ-HĐND ngày 12/8/2021	10.000		10.000	10.000	-	-	-	200		200	Chuẩn bị đầu tư dự án để dự kiến khởi công năm 2024	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình Dân dụng và Công nghiệp

2	Dự án Nhà lớp học 15 phòng Trường Trung học phổ thông Định Hóa	2022- 2024	Nghị quyết số 155/NQ-HĐND ngày 12/8/2021	10.000		10.000	10.000	-	-	-	200		200	Chuẩn bị đầu tư dự án để dự kiến khởi công năm 2024	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình Dân dụng và Công nghiệp
3	Dự án Nhà lớp học, phòng học bộ môn, phòng tổ chuyên môn Trường Trung học phổ thông Đại Từ	2022- 2024	Nghị quyết số 155/NQ-HĐND ngày 12/8/2021	13.000		13.000	13.000	-	-	-	200		200	Chuẩn bị đầu tư dự án để dự kiến khởi công năm 2024	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình Dân dụng và Công nghiệp
4	Dự án Nhà lớp học bộ môn, thư viện Trường Trung học phổ thông Phổ Yên	2022- 2024	Nghị quyết số 155/NQ-HĐND ngày 12/8/2021	5.000		5.000	5.000	-	-	-	200		200	Chuẩn bị đầu tư dự án để dự kiến khởi công năm 2024	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình Dân dụng và Công nghiệp
5	Dự án Nhà đa năng, nhà lớp học 6 phòng Trường Trung học phổ thông Hoàng Quốc Việt	2022- 2024	Nghị quyết số 155/NQ-HĐND ngày 12/8/2021	10.000		10.000	10.000	-	-	-	200		200	Chuẩn bị đầu tư dự án để dự kiến khởi công năm 2024	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình Dân dụng và Công nghiệp

6	Dự án Nhà đa năng Trường Trung học phổ thông Lưu Nhân Chú	2023-2024	Nghị quyết số 155/NQ-HĐND ngày 12/8/2021	6.000	6.000	6.000	-	-	-	200	200	Chuẩn bị đầu tư dự án để dự kiến khởi công năm 2024	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình Dân dụng và Công nghiệp	
7	Dự án Nhà đa năng Trường Trung học phổ thông Trần Phú	2023-2025	Nghị quyết số 155/NQ-HĐND ngày 12/8/2021	6.000	6.000	6.000	-	-	-	200	200	Chuẩn bị đầu tư dự án để dự kiến khởi công năm 2024	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình Dân dụng và Công nghiệp	
8	Dự án Nhà đa năng Trường Trung học phổ thông Khánh Hòa	2022-2024	Nghị quyết số 155/NQ-HĐND ngày 12/8/2021	6.000	6.000	6.000	-	-	-	200	200	Chuẩn bị đầu tư dự án để dự kiến khởi công năm 2024	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình Dân dụng và Công nghiệp	
9	Xây dựng Nhà lớp học 16 phòng, Nhà hiệu bộ trường THPT Lương Ngọc Quyến	2022-2024	Nghị quyết số 155/NQ-HĐND ngày 12/8/2021	29.850	29.850	29.850				305,331	305,331	Chuẩn bị đầu tư dự án để dự kiến khởi công năm 2024	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình Dân dụng và Công nghiệp	
II	HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC CƠ QUAN QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC,			5.000	0	5.000	5.000	0	0	0	200	200		

	ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CÔNG LẬP, TỔ CHỨC CHÍNH TRỊ VÀ CÁC TỔ CHỨC CHÍNH TRỊ - XÃ HỘI																
1	Dự án Xây dựng nhà làm việc Hạt kiểm lâm Phú Bình	2022-2024	Nghị quyết số 165/NQ-HĐND ngày 12/8/2021	5.000		5.000	5.000	-	-	-	200		200	Chuẩn bị đầu tư dự án đề dự kiến khởi công năm 2024		Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình Dân dụng và Công nghiệp	

Phụ lục III
ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2023
NGUỒN VỐN: THU TIỀN SỬ DỤNG ĐẤT VÀ SẮP XẾP LẠI NHÀ ĐẤT TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH
(CẤP TỈNH QUẢN LÝ)

(Kèm theo Nghị quyết số: 77/NQ-HĐND ngày 31 tháng 8 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

TT	Danh mục dự án/chương trình	Thời gian khởi công, hoàn thành	Quyết định đầu tư/QĐ phê duyệt dự án/QĐ phê duyệt quyết toán				Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 đã giao (nguồn thu tiền sử dụng đất)	Lũy kế khối lượng thực hiện từ khởi công đến thời điểm báo cáo	Lũy kế vốn đã bố trí từ khởi công đến thời điểm báo cáo (nguồn thu tiền sử dụng đất)	Kế hoạch năm 2023 đã giao (nguồn thu tiền sử dụng đất)	Điều chỉnh, bổ sung		Kế hoạch năm 2023 sau điều chỉnh, bổ sung	Lý do điều chỉnh	Chủ đầu tư/ Đơn vị thực hiện	Ghi chú
			Số, ngày, tháng, năm	Tổng số	Trong đó:						Tăng	Giảm				
					Ngân sách Trung ương	Ngân sách địa phương										
A	ĐIỀU CHỈNH TĂNG NGUỒN VỐN THU TIỀN SỬ DỤNG ĐẤT VÀ SẮP XẾP LẠI NHÀ ĐẤT TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH (CẤP TỈNH QUẢN LÝ)								613.843	24.029		637.872				
1	Kinh phí còn dư của Dự án Xây dựng hạ tầng khu đô thị số 4 thị trấn Hương Sơn, huyện Phú Bình									19.447						
2	Kinh phí tiền sử dụng đất năm 2022 tăng thêm so với phương án điều hành ngân sách									4.582						

B	PHÂN BỐ CHI TIẾT VÀ ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG KẾ HOẠCH			1.001.249	200.000	731.319	712.337	277.904	314.735	212.031	27.912	3.883	236.060		
B1	ĐIỀU CHỈNH GIÁM KẾ HOẠCH VỐN			60.257	-	60.257	60.257	56.374	60.257	17.553	-	3.883	13.670		
I	HOÀN TRẢ VỐN ỨNG TẠI CÁC QUỸ			60.257	-	60.257	60.257	56.374	60.257	17.553	-	3.883	13.670		
1	Dự án xây dựng hạ tầng Khu đô thị số 4, thị trấn Hương Sơn, huyện Phú Bình	2019-2021	Quyết định số 2894/QĐ-UBND ngày 25/9/2017; số 3369/UBND ngày 05/11/2018; số 695/UBND ngày 18/3/2021	60.257		60.257	60.257	56.374	60.257	17.553		3.883	13.670	Dự án điều chỉnh giảm do không còn nhu cầu sử dụng vốn	Quỹ Đầu tư phát triển tỉnh Thái Nguyên
B2	PHÂN BỐ CHI TIẾT NGUỒN VỐN BỔ SUNG			940.992	200.000	671.062	652.080	221.530	254.478	194.478	27.912	-	222.390		
I	THỂ DỤC, THỂ THAO			535.992	200.000	266.062	335.692	187.198	113.700	83.700	13.883	-	97.583		
1	Xây dựng Sân vận động tỉnh Thái Nguyên	2022 - 2025	Nghị quyết số 179/NQ-HĐND ngày 04/11/2021; số 68/NQ-HĐND ngày 28/10/2022; Quyết định số 3931/QĐ-UBND ngày 09/12/202;	535.992	200.000	266.062	335.692	187.198	113.700	83.700	13.883		97.583	Bổ sung kế hoạch vốn để thanh toán khối lượng đã được nghiệm thu	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình Dân dụng và Công nghiệp

			2800/QĐ-UBND ngày 15/11/2022													
II	HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC CƠ QUAN QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC, ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CÔNG LẬP, TỔ CHỨC CHÍNH TRỊ VÀ CÁC TỔ CHỨC CHÍNH TRỊ - XÃ HỘI			405.000	-	405.000	316.388	34.332	140.778	110.778	14.029	-	124.807			
I	Dự án Xây dựng Trụ sở làm việc khối các cơ quan tỉnh Thái Nguyên	2023- 2024	Nghị quyết số 77/NQ-HĐND ngày 21/6/2021; Quyết định số 2758/QĐ-UBND ngày 11/11/2022	405.000		405.000	316.388	34.332	140.778	110.778	14.029		124.807	Bổ sung kế hoạch vốn để thanh toán khối lượng đã được nghiệm thu	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình Dân dụng và Công nghiệp	

Phụ lục IV
ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2023
NGUỒN VỐN: NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG (VỐN NƯỚC NGOÀI) - BỘI CHI NGÂN SÁCH TỈNH
(Kèm theo Nghị quyết số: 77/NQ-HĐND ngày 31 tháng 8 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

ST T	Danh mục dự án	Thời gian khởi công - hoàn thành	Quyết định chủ trương đầu tư/Quyết định phê duyệt dự án /Quyết định phê duyệt quyết toán									Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách Trung ương giai đoạn 2021-2025			Điều chỉnh, bổ sung				Lý do điều chỉnh	Chủ đầu tư/Đơn vị thực hiện	Ghi chú		
			Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:		Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 đã giao (vốn nước ngoài ngân sách Trung ương + Bội chi ngân sách địa phương)	Lũy kế khối lượng thực hiện từ khởi công đến thời điểm báo cáo (Vốn bội chi ngân sách địa phương)	Lũy kế vốn đã bố trí từ khởi công đến thời điểm báo cáo (Vốn bội chi ngân sách địa phương)	Kế hoạch năm 2023 vốn nước ngoài (tính theo tiền Việt) Vay lại - Bội chi ngân sách tỉnh đã giao	Điều chỉnh, bổ sung					Kế hoạch năm 2023 vốn nước ngoài (tính theo tiền Việt) Vay lại - Bội chi ngân sách tỉnh sau điều chỉnh	
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn		Quy đổi ra tiền Việt				Bội chi ngân sách địa phương	Vốn nước ngoài (tính theo tiền Việt) Đưa vào cân đối Ngân sách Trung ương					Tăng	Giảm					
					Tổng số	Ngân sách Trung ương	Ngân sách địa phương	Tính bằng nguyên tệ	Tổng số														Đưa vào cân đối ngân sách Trung ương
	TỔNG SỐ:		507.99 2	51.17 4	0	51.324	0	442.13 3	357.29 8	84.83 5	167.14 4	38.558	128.58 6	110.568	74.500	79.569	33.92 0	2.54 2	2.54 2	33.92 0			

A	ĐIỀU CHỈNH GIÁM KẾ HOẠCH VỐN			149.19 4	23.82 6	0	23.976	0	125.36 8	87.758	37.61 0	63.120	22.724	40.396	21.326	28.079	35.690	33.92 0	0	2.54 2	31.37 8				
I	LĨNH VỰC TÀI NGUYÊN			149.19 4	23.82 6	0	23.976		125.36 8	87.758	37.61 0	63.120	22.724	40.396	21.326	28.079	35.690	2.837	0	843	1.994				
	<i>Dự án hoàn thành, chuyển tiếp</i>			149.19 4	23.82 6	0	23.976		125.36 8	87.758	37.61 0	63.120	22.724	40.396	21.326	28.079	35.690	2.837	0	843	1.994				
1	Tăng cường quản lý đất đai và cơ sở dữ liệu đất đai tỉnh Thái Nguyên	2017 - 2022	Quyết định số 2833/QĐ-UBND ngày 28/6/2016; số 1248/QĐ-UBND ngày 26/4/2021; số 1866/QĐ-UBND ngày 12/8/2022	149.19 4	23.82 6	0	23.976	5.883.710 USD	125.36 8	87.758	37.61 0	63.120	22.724	40.396	21.326	28.079	35.690	2.837		843	1.994	Giảm giá trị khối lượng công việc hoàn thành	Sở Tài Nguyên và Môi trường		

II	PHẦN CÒN LẠI																	31.08 3		1.69 9	29.38 4			Tiểu mục 2.3, mục 2, Phụ lục I Nghị quyết số 96/NQ-HĐND ngày 08/12/2022
B	ĐIỀU CHỈNH TĂNG KẾ HOẠCH VỐN			358.79 8	27.34 8	0	27.348	0	316.76 5	269.54 0	47.22 5	104.02 4	15.834	88.190	89.242	46.421	43.879	0	2.54 2	0	2.542			
I	NÔNG NGHIỆP, LÂM NGHIỆP, THỦY LỢI VÀ THỦY SẢN			358.79 8	27.34 8	0	27.348		316.76 5	269.54 0	47.22 5	104.02 4	15.834	88.190	89.242	46.421	43.879	0	2.54 2	0	2.542			
	<i>Dự án hoàn thành, chuyển tiếp</i>			358.79 8	27.34 8	0	27.348	#VALUE! !	316.76 5	269.54 0	47.22 5	104.02 4	15.834	88.190	89.242	46.421	43.879	0	2.54 2	0	2.542			

1	Dự án mở rộng quy mô vệ sinh và nước sạch nông thôn tỉnh Thái Nguyên	2018 - 2023	Các Quyết định số: 2812/QĐ-UBND ngày 28/10/16; số 4037/QĐ-UBND ngày 16/12/2019 ; số 1322/QĐ-UBND ngày 29/4/2021; số 1545/QĐ-UBND ngày 07/7/2023	231.22 3	20.82 5	0	20.825	8.717.729 USD	195.71 3	178.75 1	16.96 2	57.577	4.687	52.890	46.911	16.845	16.397	0	448	448	Bổ sung để giải ngân đồng thời với Kế hoạch vốn nước ngoài NST W năm 2022 đã được Thủ tướng Chính phủ cho phép kéo dài sang năm 2023	Trung tâm Nước sinh hoạt và vệ sinh môi trường nông thôn
2	Sửa chữa và nâng cao an toàn đập (WB8)	2018 - 2023	Quyết định số 3250/QĐ-UBND ngày 31/10/2018 ; số 580/QĐ-UBND ngày 4/3/2021	127.57 5	6.523	0	6.523	5,38 triệu USD	121.05 2	90.789	30.26 3	46.447	11.147	35.300	42.331	29.576	27.482	0	2.09 4	2.094	Bổ sung để giải ngân đồng thời với Kế hoạch vốn nước ngoài NST W bổ sung năm 2023 theo chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ	Ban quản lý dự án ĐTXD công trình Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH THÁI NGUYÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:78/NQ-HĐND

Thái Nguyên, ngày 31 tháng 8 năm 2023

NGHỊ QUYẾT

Về việc cho ý kiến điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 nguồn vốn ngân sách Trung ương tỉnh Thái Nguyên

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN KHÓA XIV, KỲ HỌP THỨ MƯỜI BỐN (KỲ HỌP CHUYÊN ĐỀ)

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 973/2020/UBTVQH14 ngày 08 tháng 7 năm 2020 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021 - 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 29/2021/QH15 ngày 28 tháng 7 năm 2021 của Quốc hội về Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 93/2023/QH15 ngày 22 tháng 6 năm 2023 của Quốc hội về phân bổ vốn Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội; phân bổ, điều chỉnh Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách Trung ương giai đoạn 2021- 2025 và phân bổ Kế hoạch đầu tư vốn ngân sách Trung ương năm 2023 của các Chương trình mục tiêu quốc gia;

Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Căn cứ Quyết định số 26/2020/QĐ-TTg ngày 14 tháng 9 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị quyết số 973/2020/UBTVQH14 ngày 08 tháng 7 năm 2020 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021 - 2025;

Căn cứ Quyết định số 1535/QĐ-TTg ngày 15 tháng 9 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc giao kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021 - 2025;

Căn cứ Quyết định số 888/QĐ-TTg ngày 24 tháng 7 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc giao Kế hoạch đầu tư vốn ngân sách Trung ương của Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội; giao, điều chỉnh Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách Trung ương giai đoạn 2021 - 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 199/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên về việc thông qua Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 tỉnh Thái Nguyên;

Xét Tờ trình số 99/TTr-UBND ngày 23 tháng 8 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên về việc cho ý kiến điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 nguồn vốn ngân sách Trung ương tỉnh Thái Nguyên; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thống nhất với ý kiến đề xuất của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên về việc điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 nguồn vốn ngân sách Trung ương tỉnh Thái Nguyên, cụ thể như sau:

1. Nguồn vốn ngân sách Trung ương (vốn trong nước)

a) Điều chỉnh giảm kế hoạch vốn 16.538 triệu đồng đối với dự án Trường Trung học phổ thông Tức Tranh, huyện Phú Lương.

b) Bổ sung kế hoạch vốn 16.538 triệu đồng cho 02 dự án đề thu hồi vốn ứng trước ngân sách Trung ương giai đoạn 2016 - 2020 như sau:

- Dự án Sửa chữa, nâng cấp cụm các công trình thủy lợi huyện Phú Bình (hồ Vực Giăng, xã Tân Hòa; hồ Đồng Quan, xã Bàn Đạt): 10.000 triệu đồng;

- Dự án Sửa chữa, nâng cấp hồ Đồng Xiền, xã Yên Lạc; Đập Núi Phán, xã Động Đạt, huyện Phú Lương: 6.538 triệu đồng.

(Chi tiết tại Phụ lục I kèm theo)

2. Nguồn vốn ngân sách Trung ương (vốn nước ngoài)

Bổ sung Kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn nguồn vốn ngân sách Trung ương (vốn nước ngoài) giai đoạn 2021 - 2025 cho dự án: Phát triển cơ sở hạ tầng thích ứng với biến đổi khí hậu để hỗ trợ sản xuất cho đồng bào dân tộc các tỉnh miền núi, trung du phía Bắc, tỉnh Thái Nguyên: 71.245 triệu đồng.

(Chi tiết tại Phụ lục II kèm theo)

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh hoàn thiện hồ sơ, thủ tục trình cấp có thẩm quyền phê duyệt, tổ chức thực hiện Nghị quyết theo đúng quy định của Luật Đầu tư công năm 2019 và các văn bản pháp luật có liên quan; đồng thời chịu trách nhiệm về tính chính xác số liệu của dự án.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên Khóa XIV, Kỳ họp thứ mười bốn (Kỳ họp chuyên đề) thông qua ngày 31 tháng 8 năm 2023./.

CHỦ TỊCH**Phạm Hoàng Sơn**

**CHO Ý KIẾN VỀ ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2021 - 2025
NGUỒN VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG TỈNH THÁI NGUYÊN
NGUỒN VỐN: NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG (VỐN TRONG NƯỚC)**

(Kèm theo Nghị quyết số 78/NQ-HĐND ngày 31 tháng 8 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên)

TT	Danh mục dự án/chương trình	Quyết định chủ trương đầu tư/Quyết định phê duyệt dự án/ Quyết định phê duyệt quyết toán				Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách Trung ương giai đoạn 2021 - 2025 đã phê duyệt	Điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công Trung hạn vốn ngân sách trung ương giai đoạn 2021 - 2025		Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách Trung ương giai đoạn 2021 - 2025 của dự án sau khi điều chỉnh, bổ sung	Chủ đầu tư/ đơn vị thực hiện	Ghi chú
		Số, ngày, tháng, năm	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn			Điều chỉnh giảm	Điều chỉnh tăng			
				Ngân sách Trung ương	Ngân sách địa phương						
	TỔNG SỐ		133.473	127.134	6.339	90.000,000	16.538,000	16.538,000	90.000,000		
A	ĐIỀU CHỈNH GIẢM KẾ HOẠCH VỐN		90.000	90.000	0	90.000	16.538	0	73.462		
I	Giáo dục, đào tạo và giáo dục nghề nghiệp										
a	Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2021 - 2025										

*	<i>Dự án hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng giai đoạn 2021 - 2025</i>										
1	Trường THPT Túc Tranh huyện Phú Lương	Nghị quyết số 78/NQ-HĐND ngày 21/6/2021; Quyết định số 3216/QĐ-UBND ngày 14/10/2021	90.000	90.000		90.000	16.538		73.462	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp tỉnh	Giám vốn do dự án không còn nhu cầu sử dụng vốn, dự án sẽ quyết toán trong năm 2023
B	BỔ SUNG KẾ HOẠCH VỐN		43.473	37.134	6.339	0		16.538	16.538		
I	Nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy lợi và thủy sản		43.473	37.134	6.339	-	-	16.538	16.538		
a	Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2016 - 2020 sang giai đoạn 2021 - 2025										
*	<i>Dự án đã hoàn thành, quyết toán</i>										
1	Sửa chữa, nâng cấp cụm các công trình thủy lợi huyện Phú Bình (hồ Vực Giàng, xã Tân Hòa; hồ Đòng Quan, xã Bản Đạt)	Quyết định số 2472/QĐ-UBND ngày 30/10/2012	13.367	10.000	3.367	0		10.000	10.000	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn	Dự án thu hồi vốn ứng trước ngân sách trung ương giai đoạn 2016 - 2020

2	Sửa chữa, nâng cấp hồ Đòng Xiền, xã Yên Lạc; Đập Núi Phán, xã Động Đạt, huyện Phú Lương	Quyết định số 1609/QĐ-UBND ngày 26/7/2012; số 3936/QĐ-UBND ngày 10/12/2012	30.106	27.134	2.972	0		6.538	6.538	Công ty TNHH một thành viên Khai thác thủy lợi Thái Nguyên	Dự án thu hồi vốn ứng trước ngân sách trung ương giai đoạn 2016 - 2020
---	---	--	--------	--------	-------	---	--	-------	-------	--	--

Phụ lục II

**CHO Ý KIẾN VỀ BỔ SUNG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2021 – 2025
NGUỒN VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG TỈNH THÁI NGUYÊN
NGUỒN VỐN: NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG (VỐN NƯỚC NGOÀI)**

(Kèm theo Nghị quyết số 78/NQ-HĐND ngày 31 tháng 8 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên)

STT	Danh mục dự án	Quyết định chủ trương đầu tư/Quyết định phê duyệt dự án/ Quyết định phê duyệt quyết toán						Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn nước ngoài (đưa vào cân đối ngân sách Trung ương) giai đoạn 2021 - 2025 đã phê duyệt	Bổ sung Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn nước ngoài (đưa vào cân đối ngân sách Trung ương) giai đoạn 2021 - 2025	Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn nước ngoài (đưa vào cân đối ngân sách Trung ương) giai đoạn 2021 - 2025 sau khi bổ sung	Chủ đầu tư/ Đơn vị thực hiện	Ghi chú		
		Tổng mức đầu tư												
		Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:										
				Vốn đối ứng			Vốn nước ngoài (theo Hiệp định)							
				Tổng số	Trong đó: Vốn		Tính bằng nguyên tệ						Quy đổi ra tiền Việt	
Ngân sách Trung ương	Ngân sách địa phương				Tổng số	Trong đó:		Vay lại						
				Đưa vào cân đối ngân sách Trung ương										

	TỔNG SỐ:		921.178	208.732	0	208.732	39,805 triệu USD	712.446	356.223	356.223	0	71.245	71.245		
	Các hoạt động kinh tế														
	Nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy lợi và thủy sản		921.178	208.732	0	208.732	39,805 triệu USD	712.446	356.223	356.223	0	71.245	71.245		
	<i>Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2021 - 2025</i>														
1	Phát triển cơ sở hạ tầng thích ứng với biến đổi khí hậu để hỗ trợ sản xuất cho đồng bào dân tộc các tỉnh miền núi, trung du phía Bắc, tỉnh Thái Nguyên	Quyết định số 983/QĐ-TTg ngày 16/8/2022	921.178	208.732	0	208.732	39,805 triệu USD	712.446	356.223	356.223	0	71.245	71.245	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn	Dự án đang lập Báo cáo nghiên cứu khả thi dự án

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH THÁI NGUYÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 79/NQ-HĐND

Thái Nguyên, ngày 31 tháng 8 năm 2023

NGHỊ QUYẾT

Về việc thông qua điều chỉnh, bổ sung danh mục các dự án thu hồi đất, các dự án có chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN KHÓA XIV, KỲ HỌP THỨ MƯỜI BỐN (KỲ HỌP CHUYÊN ĐỀ)

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20 tháng 11 năm 2018;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Quyết định số 326/QĐ-TTg ngày 09 tháng 3 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ về phân bổ chỉ tiêu Quy hoạch sử dụng đất quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050, Kế hoạch sử dụng đất quốc gia 05 năm 2021 - 2025;

Căn cứ Quyết định số 222/QĐ-TTg ngày 14 tháng 3 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tỉnh Thái Nguyên thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Thông tư số 01/2021/TT-BTNMT ngày 12 tháng 4 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định kỹ thuật việc lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất;

Xét Tờ trình số 109/TTr-UBND ngày 23 tháng 8 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên về việc thông qua Nghị quyết điều chỉnh, bổ sung danh mục các dự án thu hồi đất, các dự án có chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua bổ sung danh mục các dự án thu hồi đất, các dự án có chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên, cụ thể như sau:

- 18 công trình, dự án thu hồi đất với diện tích 336,63 ha (*chi tiết tại Phụ lục I kèm theo*).

- 16 công trình, dự án có chuyển mục đích sử dụng dưới 10 ha đất trồng lúa, dưới 20 ha đất rừng phòng hộ với diện tích 258,41 ha (*chi tiết tại Phụ lục II kèm theo*).

Điều 2. Thông qua điều chỉnh tên, địa điểm, diện tích đối với 07 dự án trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên (*chi tiết tại Phụ lục III kèm theo*).

Điều 3. Tổ chức thực hiện

1. Ủy ban nhân dân tỉnh chịu trách nhiệm về tính chính xác của hồ sơ; căn cứ pháp lý của các dự án và tổ chức thực hiện Nghị quyết đảm bảo đúng chỉ tiêu sử dụng đất theo quy định của Luật Đất đai năm 2013, Quy hoạch sử dụng đất cấp huyện thời kỳ 2021 - 2030 và các văn bản pháp luật có liên quan.

Chỉ thực hiện việc thu hồi, chuyển mục đích sử dụng đất khi đã đảm bảo đầy đủ thủ tục, quy trình và đúng quy định của pháp luật. Trong quá trình thực hiện, Ủy ban nhân dân tỉnh tiếp tục rà soát quy mô, diện tích của từng dự án, đánh giá tiến độ triển khai, sắp xếp thứ tự ưu tiên thực hiện theo tính cấp thiết của từng dự án, đảm bảo mục tiêu sử dụng đất hiệu quả, tiết kiệm. Sau thu hồi, yêu cầu chủ đầu tư sớm đưa vào sử dụng đất có hiệu quả. Kiên quyết xử lý các dự án chậm triển khai, vi phạm Luật Đất đai theo quy định.

Tiếp tục cải cách hành chính, nhất là cải cách các thủ tục hành chính trong lĩnh vực đầu tư, xây dựng và đất đai. Tuân thủ đúng quy trình, quy định pháp lý trong tổ chức thực hiện thu hồi đất.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên Khóa XIV, Kỳ họp thứ mười bốn (Kỳ họp chuyên đề) thông qua ngày 31 tháng 8 năm 2023./.

CHỦ TỊCH**Phạm Hoàng Sơn**

Phụ lục I**Danh mục 18 công trình, dự án thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên**

(Kèm theo Nghị quyết số 79/NQ-HĐND ngày 31 tháng 8 năm 2023
của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên)

STT	Tên công trình dự án sử dụng đất	Địa điểm (xã, phường, thị trấn, huyện)	Diện tích (ha)	Trong đó sử dụng từ loại đất (ha)			
				Đất trồng lúa	Đất rừng phòng hộ	Đất rừng đặc dụng	Đất khác
	Tổng		336,63	65,81	10,19		260,62
I	Thành phố Phổ Yên		63,36	26,22			37,14
1	Khu đô thị Nam Tiến 2	Phường Nam Tiến, thành phố Phổ Yên	36,70	15,00			21,70
2	Khu đô thị Đồng Tiến (khu số 2)	Phường Đồng Tiến, thành phố Phổ Yên	26,66	11,22			15,44
II	Thành phố Sông Công		30,11	21,84			8,27
1	Khu nhà ở xã hội phường Bách Quang	Phường Bách Quang, thành phố Sông Công	5,68	5,50			0,18
2	Khu nhà ở công nhân xã Tân Quang	Xã Tân Quang, thành phố Sông Công	15,55	11,04			4,51
3	Trụ sở làm việc Chi cục Thuế khu vực Sông Công - Đại Từ	Phường Bách Quang, thành phố Sông Công	0,50	0,39			0,11
4	Cụm công nghiệp Nguyên Gon	Phường Cải Đan, thành phố Sông Công	2,29	1,82			0,47
5	Cụm công nghiệp Khuynh Thạch (giai đoạn 2)	Phường Cải Đan, thành phố Sông Công	6,09	3,09			3,00
III	Huyện Phú Bình		214,82	14,56			200,26
1	Khu tái định cư xã Diềm Thụy	Xã Diềm Thụy, huyện Phú Bình	13,35	4,67			8,68
2	Khu dân cư nông thôn mới Tân Thành 2	Xã Tân Thành, huyện Phú Bình	71,12	3,50			67,62
3	Khu dân cư nông thôn mới Kim Thành (Khu 1)	Xã Tân Thành, huyện Phú Bình	38,26	0,59			37,67
		Xã Tân Kim, huyện Phú Bình	12,48	0,56			11,92
4	Khu dân cư nông thôn mới Kim Thành (Khu 2)	Xã Tân Thành, huyện Phú Bình	21,90	0,82			21,08
		Xã Tân Kim, huyện Phú Bình	51,10	2,94			48,16
5	Trụ sở làm việc Huyện ủy, HĐND và UBND huyện Phú Bình	Thị trấn Hương Sơn, huyện Phú Bình	1,00	0,68			0,32

6	Trụ sở làm việc Công an thị trấn Hương Sơn, huyện Phú Bình	Thị trấn Hương Sơn, huyện Phú Bình	0,15	0,10			0,05
7	Công trình chiến đấu trong Căn cứ chiến đấu huyện Phú Bình	Xã Tân Thành, huyện Phú Bình	5,46	0,70			4,76
IV	Huyện Đại Từ		19,74	3,12	4,90		11,72
1	Đường giao thông kết nối Quốc lộ 37 với đường ĐT.270 (đoạn từ đường Cù Vân – An Khánh đến Hồ Cây Vi thuộc xã Tân Thái, huyện Đại Từ)	Xã Cù Vân, huyện Đại Từ	10,95	2,80	4,00		4,15
		Xã Tân Thái, huyện Đại Từ	3,70	0,10	0,90		2,70
2	Xử lý sạt lở cấp bách sông, suối tỉnh Thái Nguyên (thuộc dự án Xử lý sạt lở cấp bách sông, suối một số tỉnh miền núi phía Bắc)	Thị trấn Hùng Sơn, huyện Đại Từ	1,26				1,26
		Xã Tiên Hội, huyện Đại Từ	3,83	0,22			3,61
V	Huyện Định Hóa		3,30	0,07			3,23
1	Tu bổ, tôn tạo Di tích lịch sử địa điểm đồi Pụ Đồn (đồi Phong Tướng)	Xã Phú Đình, huyện Định Hóa	3,30	0,07			3,23
VI	Huyện Võ Nhai		5,29		5,29		
1	Tu bổ, tôn tạo Di tích lịch sử địa điểm thành lập Đội cứu quốc quân II ngày 15/9/1941	Xã Tràng Xá, huyện Võ Nhai	5,29		5,29		

Phụ lục II**Danh mục 16 công trình, dự án có chuyển mục đích sử dụng dưới 10 ha đất trồng lúa, dưới 20 ha đất rừng phòng hộ trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên***(Kèm theo Nghị quyết số 79/NQ-HĐND ngày 31 tháng 8 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên)*

STT	Tên công trình dự án sử dụng đất	Địa điểm (xã, phường, thị trấn, huyện)	Diện tích (ha)	Trong đó sử dụng từ loại đất (ha)			
				Đất trồng lúa	Đất rừng phòng hộ	Đất rừng đặc dụng	Đất khác
	Tổng		258,41	29,15	10,19		219,06
I	Thành phố Phổ Yên		0,69	0,60			0,09
1	Khu thương mại dịch vụ Hoàng Thanh	Phường Đồng Tiến, thành phố Phổ Yên	0,69	0,60			0,09
II	Thành phố Sông Công		14,56	10,80			3,76
1	Khu nhà ở xã hội phường Bách Quang	Phường Bách Quang, thành phố Sông Công	5,68	5,50			0,18
2	Trụ sở làm việc Chi cục Thuế khu vực Sông Công - Đại Từ	Phường Bách Quang, thành phố Sông Công	0,50	0,39			0,11
3	Cụm công nghiệp Nguyên Gon	Phường Cải Đan, thành phố Sông Công	2,29	1,82			0,47
4	Cụm công nghiệp Khuynh Thạch (giai đoạn 2)	Phường Cải Đan, thành phố Sông Công	6,09	3,09			3,00
III	Huyện Phú Bình		214,82	14,56			200,26
1	Khu tái định cư xã Diềm Thụy	Xã Diềm Thụy, huyện Phú Bình	13,35	4,67			8,68
2	Khu dân cư nông thôn mới Tân Thành 2	Xã Tân Thành, huyện Phú Bình	71,12	3,50			67,62
3	Khu dân cư nông thôn mới Kim Thành (Khu 1)	Xã Tân Thành, huyện Phú Bình	38,26	0,59			37,67
		Xã Tân Kim, huyện Phú Bình	12,48	0,56			11,92
4	Khu dân cư nông thôn mới Kim Thành (Khu 2)	Xã Tân Thành, huyện Phú Bình	21,90	0,82			21,08
		Xã Tân Kim, huyện Phú Bình	51,10	2,94			48,16
5	Trụ sở làm việc Huyện ủy, HĐND và UBND huyện Phú Bình	Thị trấn Hương Sơn, huyện Phú Bình	1,00	0,68			0,32
6	Trụ sở làm việc Công an thị trấn Hương Sơn, huyện Phú Bình	Thị trấn Hương Sơn, huyện Phú Bình	0,15	0,10			0,05
7	Công trình chiến đấu trong Căn cứ chiến đấu huyện Phú Bình	Xã Tân Thành, huyện Phú Bình	5,46	0,70			4,76

IV	Huyện Đại Từ		19,74	3,12	4,90		11,72
1	Đường giao thông kết nối Quốc lộ 37 với đường ĐT.270 (đoạn từ đường Cù Vân - An Khánh đến Hồ Cây Vi thuộc xã Tân Thái, huyện Đại Từ)	Xã Cù Vân, huyện Đại Từ	10,95	2,80	4,00		4,15
		Xã Tân Thái, huyện Đại Từ	3,70	0,10	0,90		2,70
2	Xử lý sạt lở cấp bách sông, suối tỉnh Thái Nguyên (thuộc dự án Xử lý sạt lở cấp bách sông, suối một số tỉnh miền núi phía Bắc)	Thị trấn Hùng Sơn, huyện Đại Từ	1,26				1,26
		Xã Tiên Hội, huyện Đại Từ	3,83	0,22			3,61
V	Huyện Định Hóa		3,30	0,07			3,23
1	Tu bổ, tôn tạo Di tích lịch sử địa điểm đồi Pụ Đồn (đồi Phong Tướng)	Xã Phú Đình, huyện Định Hóa	3,30	0,07			3,23
VI	Huyện Võ Nhai		5,29		5,29		
1	Tu bổ, tôn tạo Di tích lịch sử địa điểm thành lập Đội cứu quốc quân II ngày 15/9/1941	Xã Tràng Xá, huyện Võ Nhai	5,29		5,29		

Phụ lục III

Điều chỉnh tên, địa điểm, diện tích đối với 07 dự án trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên

(Kèm theo Nghị quyết số 79/NQ-HĐND ngày 31 tháng 8 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên)

Nghị Quyết của HĐND tỉnh Thái Nguyên đã phê duyệt								Nay điều chỉnh lại như sau							
STT	Tên công trình, dự án sử dụng đất	Địa điểm (xã, phường, thị trấn, huyện)	Diện tích (ha)	Trong đó sử dụng từ loại đất (ha)				STT	Tên công trình, dự án sử dụng đất	Địa điểm (xã, phường, thị trấn, huyện)	Diện tích (ha)	Trong đó sử dụng từ loại đất (ha)			
				Đất trồng lúa	Đất rừng phòng hộ	Đất rừng đặc dụng	Đất khác					Đất trồng lúa	Đất rừng phòng hộ	Đất rừng đặc dụng	Đất khác
I	Nghị quyết số 47/NQ-HĐND ngày 11/12/2020														
1	Cụm công nghiệp Bảo Lý - Xuân Phương	Xã Xuân Phương, huyện Phú Bình	7,67	5,42			2,25	1	Cụm công nghiệp Bảo Lý - Xuân Phương	Xã Xuân Phương, huyện Phú Bình	3,73	3,50			0,23
		Xã Kha Sơn, huyện Phú Bình	13,27	8,54			4,73			Xã Kha Sơn, huyện Phú Bình	11,82	7,77			4,05
		Xã Nga My, huyện Phú Bình	6,05	3,84			2,21			Xã Nga My, huyện Phú Bình	11,44	10,88			0,56
	Tổng cộng		26,99	17,80			9,19	Tổng cộng		26,99	22,15			4,84	

1	Khu dân cư An Sinh Phú I	Phường Ba Hàng, thành phố Phố Yên	20,20	18,0			2,20	1	Khu đô thị An Sinh Phú I	Phường Ba Hàng, thành phố Phố Yên	16,67	14,66			2,01
								2	Tái định cư phục vụ giải phóng mặt bằng các dự án tại phường Ba Hàng	Phường Ba Hàng, thành phố Phố Yên	3,53	3,34			0,19
IV	Nghị Quyết số 35/NQ-HĐND ngày 20/07/2022 của HĐND tỉnh														
1	Khu đô thị Nam Thái (phần diện tích 22,65 ha)	Phường Nam Tiến, thành phố Phố Yên	22,65	10,23			12,42	1	Công viên cây xanh chuyên đề thành phố Phố Yên (Giai đoạn I: Hạ tầng nền)	Phường Nam Tiến, thành phố Phố Yên	4,25	3,34			0,91
								2	Công viên cây xanh hồ điều hòa thành phố Phố Yên	Phường Nam Tiến, thành phố Phố Yên	18,32	6,89			11,43
2	Khu đô thị Nam Thái (phần diện tích 56,37 ha)	Phường Nam Tiến, thành phố Phố Yên	53,42	26,99			26,43	3	Khu đô thị Nam Thái (phần diện tích 49,40 ha)	Phường Nam Tiến, thành phố Phố Yên	49,40	26,99			22,41
		Phường Đắc Sơn, thành phố Phố Yên	2,95	1,40			1,55								

V	Nghị Quyết số 208/NQ-HĐND ngày 10/12/2021													
1	Khu đô thị phường Ba Hàng	Phường Ba Hàng, thành phố Phố Yên	21,60	13,70			7,90	1	Khu đô thị phường Ba Hàng	Phường Ba Hàng, thành phố Phố Yên	31,85	19,98		11,87
VI	Nghị quyết số 180/NQ-HĐND ngày 04/11/2021													
1	Đường kết nối từ nút giao Yên Bình đến đường liên kết, kết nối các tỉnh Thái Nguyên, Bắc Giang và Vĩnh Phúc	Phường Tân Hương, thành phố Phố Yên	4,70	3,20			1,50	1	Đường Vành Đai II (đoạn tuyến từ Khu đô thị City Home đến đường Liên kết vùng)	Phường Đông Cao, thành phố Phố Yên	1,50	1,10		0,40
		Phường Đông Cao, thành phố Phố Yên	1,50	1,10			0,40							

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH THÁI NGUYÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 80/NQ-HĐND

Thái Nguyên, ngày 31 tháng 8 năm 2023

NGHỊ QUYẾT

Quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác để thực hiện Dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng Khu công nghiệp Sông Công II giai đoạn 2 tỉnh Thái Nguyên

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN KHÓA XIV, KỲ HỌP THỨ MƯỜI BỐN (KỲ HỌP CHUYÊN ĐỀ)

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Luật Lâm nghiệp ngày 15 tháng 11 năm 2017;

Căn cứ Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp;

Căn cứ Nghị định số 83/2020/NĐ-CP ngày 15 tháng 7 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp;

Căn cứ Quyết định số 326/QĐ-TTg ngày 09 tháng 3 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ phân bổ chỉ tiêu Quy hoạch sử dụng đất quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050, Kế hoạch sử dụng đất quốc gia 5 năm 2021 - 2025;

Căn cứ Quyết định số 222/QĐ-TTg ngày 14 tháng 3 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tỉnh Thái Nguyên thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Thông tư số 25/2022/TT-BNNPTNT ngày 30 tháng 12 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về trồng rừng thay thế khi chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác;

Xét Tờ trình số 106/TTr-UBND ngày 23 tháng 8 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên về việc đề nghị thông qua quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác để thực hiện Dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng Khu công nghiệp Sông Công II giai đoạn 2, tỉnh Thái Nguyên; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác đối với 26,591 ha rừng trồng sản xuất để thực hiện Dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng Khu công nghiệp Sông Công II giai đoạn 2 tỉnh Thái Nguyên đang đề xuất chấp thuận chủ trương đầu tư.

(Chi tiết tại Phụ lục kèm theo)

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết theo đúng quy định của Luật Lâm nghiệp năm 2017 và các văn bản pháp luật có liên quan; đồng thời chịu trách nhiệm về tính chính xác của hồ sơ, số liệu dự án.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên Khóa XIV, Kỳ họp thứ mười bốn (Kỳ họp chuyên đề) thông qua ngày 31 tháng 8 năm 2023./.

CHỦ TỊCH**Phạm Hoàng Sơn**

Phụ lục**DỰ ÁN ĐỀ XUẤT CHỦ TRƯỞNG ĐẦU TƯ
CHUYỂN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG RỪNG***(Kèm theo Nghị quyết số 80/NQ-HĐND ngày 31 tháng 8 năm 2023
của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên)*

TT	Tên dự án, địa điểm thực hiện	Diện tích, vị trí có rừng chuyển mục đích sử dụng theo bản đồ quy hoạch 3 loại rừng				Loại rừng
		Tổng diện tích (ha)	Lô	Khoảnh	Tiểu khu	
1	Dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng Khu công nghiệp Sông Công II giai đoạn 2 tỉnh Thái Nguyên	26,591	1, 2, 3, 4	2	222A	Rừng trồng sản xuất (cây keo, bạch đàn)
			1, 2, 3, 4	3		
			1, 2, 3, 4, 5, 6, 7	1	222D	
			1, 2, 3, 6	2		
Tổng cộng		26,591				

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH THÁI NGUYÊN**

Số: 81/NQ-HĐND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Thái Nguyên, ngày 31 tháng 8 năm 2023

NGHỊ QUYẾT

**Xác nhận kết quả miễn nhiệm Ủy viên Ủy ban nhân dân
tỉnh Thái Nguyên Khóa XIV, nhiệm kỳ 2021 - 2026**

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN KHÓA XIV, KỲ HỌP THỨ MƯỜI BỐN (KỲ HỌP CHUYÊN ĐỀ)

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 08/2016/NĐ-CP ngày 25 tháng 01 năm 2016 của Chính phủ quy định số lượng Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân và quy trình, thủ tục bầu, từ chức, miễn nhiệm, bãi nhiệm, điều động, cách chức thành viên Ủy ban nhân dân;

Căn cứ Nghị định số 115/2021/NĐ-CP ngày 16 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2016/NĐ-CP ngày 25 tháng 01 năm 2016 của Chính phủ quy định số lượng Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân và quy trình, thủ tục bầu, từ chức, miễn nhiệm, bãi nhiệm, điều động, cách chức thành viên Ủy ban nhân dân;

Căn cứ kết quả tại Biên bản biểu quyết miễn nhiệm Ủy viên Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên Khóa XIV, nhiệm kỳ 2021 - 2026.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Xác nhận kết quả miễn nhiệm Ủy viên Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên Khóa XIV, nhiệm kỳ 2021 - 2026 đối với ông Lê Văn Vịnh, nguyên Giám đốc Sở Giao thông vận tải tỉnh Thái Nguyên, do đã chuyển công tác.

Điều 2. Giao Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh và ông Lê Văn Vịnh chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên Khóa XIV, Kỳ họp thứ mười bốn (Kỳ họp chuyên đề) nhiệm kỳ 2021 - 2026 thông qua ngày 31 tháng 8 năm 2023./.

CHỦ TỊCH

Phạm Hoàng Sơn

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH THÁI NGUYÊN**

Số: 82/NQ-HĐND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Thái Nguyên, ngày 31 tháng 8 năm 2023

NGHỊ QUYẾT

**Xác nhận kết quả bãi nhiệm Ủy viên Ủy ban nhân dân
tỉnh Thái Nguyên Khóa XIV, nhiệm kỳ 2021 - 2026**

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN KHÓA XIV, KỲ HỌP THỨ MƯỜI BỐN (KỲ HỌP CHUYÊN ĐỀ)

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 08/2016/NĐ-CP ngày 25 tháng 01 năm 2016 của Chính phủ quy định số lượng Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân và quy trình, thủ tục bầu, từ chức, miễn nhiệm, bãi nhiệm, điều động, cách chức thành viên Ủy ban nhân dân;

Căn cứ Nghị định số 115/2021/NĐ-CP ngày 16 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2016/NĐ-CP ngày 25 tháng 01 năm 2016 của Chính phủ quy định số lượng Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân và quy trình, thủ tục bầu, từ chức, miễn nhiệm, bãi nhiệm, điều động, cách chức thành viên Ủy ban nhân dân;

Căn cứ kết quả tại Biên bản biểu quyết bãi nhiệm Ủy viên Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên Khóa XIV, nhiệm kỳ 2021 - 2026.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Xác nhận kết quả bãi nhiệm Ủy viên Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên Khóa XIV, nhiệm kỳ 2021 - 2026 đối với ông Nguyễn Thanh Tuấn, nguyên Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Thái Nguyên.

Điều 2. Giao Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh và ông Nguyễn Thanh Tuấn chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên Khóa XIV, Kỳ họp thứ mười bốn (Kỳ họp chuyên đề) nhiệm kỳ 2021 - 2026 thông qua ngày 31 tháng 8 năm 2023./.

CHỦ TỊCH

Phạm Hoàng Sơn

CÔNG BÁO tỉnh Thái Nguyên là ấn phẩm chính thức của tỉnh Thái Nguyên dùng để công bố tất cả các văn bản quy phạm pháp luật và văn bản có giá trị pháp lý khác do Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, huyện ban hành. Thông tư số 01/2017/TT-VPCP của Văn phòng Chính phủ: Hướng dẫn thực hiện quy định về Công báo tại Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

Công báo tỉnh Thái Nguyên gồm có các số thường kỳ và Mục lục Công báo cuối năm; Công báo được phát hành trên phạm vi toàn tỉnh do Trung tâm Thông tin tỉnh Thái Nguyên biên tập và thực hiện xuất bản.

Công báo điện tử tỉnh Thái Nguyên được thiết kế trên khổ giấy có kích thước 29 cm chiều dài x 20,5 cm chiều rộng. Trang bìa có in hình Quốc huy, Quốc hiệu của Nước Cộng hòa XHCN Việt Nam và chữ **CÔNG BÁO** màu đỏ; Công báo điện tử được phát hành tại địa chỉ Website: <http://congbaothainguyen.gov.vn>.

VĂN PHÒNG UBND TỈNH THÁI NGUYÊN XUẤT BẢN

Địa chỉ: 16A, đường Nha Trang - TP. Thái Nguyên

Điện thoại: (0208).3 751 789

Fax: (0208).3 851 149

Email: portal@thainguyen.gov.vn

Website: <http://congbaothainguyen.gov.vn>